

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC
(Đề kiểm tra gồm 04 trang)

Môn: GDKT&PL - Ngày kiểm tra: .../10/2024
Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

Mã đề: 121

Họ tên thí sinh:

Số báo danh:

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Sự hợp tác giữa hai quốc gia, dựa trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng độc lập và chủ quyền của nhau và tuân thủ các chuẩn mực quốc tế chung nhằm thiết lập và phát triển quan hệ kinh tế thương mại giữa các bên là hình thức hội nhập kinh tế.

- A. song phương. B. đa phương. C. toàn cầu. D. quốc tế.

Câu 2. Tăng trưởng kinh tế là trong thời kì nhất định nền kinh tế

- A. đảm bảo chỉ tiêu năm trước. B. tăng lên về quy mô, sản lượng.
C. giảm về quy mô, sản lượng. D. giá cả hàng hóa tăng nhanh.

Câu 3. Hội nhập kinh tế khu vực **không** được thực hiện giữa các quốc gia có đặc điểm nào dưới đây?

- A. Có sự phù hợp về văn hóa. B. Tương đồng về địa lý.
C. Cùng chung mục tiêu. D. Đang chiến tranh với nhau.

Câu 4. Hoạt động dịch vụ tài chính thông qua đó người tham gia bảo hiểm đóng một khoản phí cho tổ chức bảo hiểm để được hưởng bồi thường hoặc chi trả bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm là nội dung của khái niệm nào sau đây?

- A. Bảo tức. B. Tín dụng. C. Bảo hiểm. D. Tài chính.

Câu 5. Sự hợp tác được kí kết giữa các quốc gia trong một khu vực trên cơ sở sự tương đồng về địa lí, văn hóa, xã hội hoặc có chung mục tiêu, lợi ích phát triển là cấp độ hội nhập kinh tế

- A. khu vực. B. toàn cầu. C. đa phương. D. song phương.

Câu 6. Tăng trưởng, phát triển kinh tế là điều kiện tiên quyết để nước ta

- A. đa dạng nền kinh tế. B. tìm kiếm thị trường.
C. khắc phục tình trạng tụt hậu. D. tài trợ hoạt động từ thiện.

Câu 7. Cụm từ GDP/người là một trong những chỉ tiêu thể hiện tốc độ tăng trưởng kinh tế nó thể hiện nội dung nào dưới đây?

- A. Tổng sản phẩm quốc nội. B. Tổng sản phẩm quốc nội theo đầu người.
C. Tổng sản phẩm quốc dân theo đầu người. D. Tổng sản phẩm quốc dân.

Câu 8. Chủ thể nào có quyền được hưởng trợ cấp thất nghiệp khi bị mất việc làm?

- A. Người lao động. B. Tổ chức bảo hiểm.
C. Người sử dụng lao động. D. Người lao động và người sử dụng lao động.

Câu 9. Hành vi nào dưới đây kìm hãm sự tăng trưởng, phát triển kinh tế đất nước?

- A. Đóng thuế theo quy định. B. Sản xuất hàng giả, hàng nhái.
C. Tìm kiếm thị trường tiêu thụ. D. Tạo việc làm cho người lao động.

Câu 10. Bảo hiểm nào chỉ có hình thức bắt buộc, không có hình thức tự nguyện?

- A. Bảo hiểm thất nghiệp. B. Bảo hiểm xã hội.
C. Bảo hiểm thương mại. D. Bảo hiểm y tế.

Câu 11. Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện vai trò của bảo hiểm đối với sự phát triển kinh tế - xã hội?

- A. Tạo ra nhiều việc làm mới. B. Gia tăng tỷ lệ lạm phát.

C. Mở rộng hội nhập quốc tế.

D. Tăng thu ngân sách nhà nước.

Câu 12. Loại hình bảo hiểm xã hội do Nhà nước tổ chức mà người tham gia được lựa chọn mức đóng, phương thức đóng phù hợp với mức thu nhập của mình và Nhà nước có chính sách hỗ trợ tiền đóng để người tham gia hưởng chế độ hưu trí và tử tuất là loại hình bảo hiểm nào?

A. Bảo hiểm xã hội bắt buộc.

B. Bảo hiểm y tế bắt buộc.

C. Bảo hiểm xã hội tự nguyện.

D. Bảo hiểm y tế tự nguyện.

Câu 13. Ngày 25/12/2008, Việt Nam và Nhật Bản đã chính thức ký kết Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam - Nhật Bản, xét về cấp độ hợp tác đây là hình thức hợp tác

A. song phương.

B. khu vực.

C. châu lục.

D. toàn cầu.

Câu 14. Hội nhập kinh tế quốc tế được thực hiện theo các cấp độ nào dưới đây?

A. Song phương, khu vực, toàn cầu.

B. Thỏa thuận, liên kết, hoà nhập.

C. Song phương, đa phương, toàn diện.

D. Thỏa thuận, liên minh, hợp tác.

Câu 15. Tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững

A. có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

B. độc lập với nhau.

C. cản trở nhau phát triển.

D. triệt tiêu nhau.

Câu 16. Quá trình liên kết, gắn kết giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới, cùng nhau thỏa thuận, cùng tham gia các tổ chức toàn cầu là hình thức hội nhập nào dưới đây?

A. Hội nhập kinh tế đa phương.

B. Hội nhập kinh tế toàn cầu.

C. Hội nhập kinh tế khu vực.

D. Hội nhập kinh tế song phương.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 17, 18, 19

Tính chung thời kì thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm (2011 - 2020), tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt khoảng 5,9%/năm, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực. Quy mô GDP tăng gấp 2,4 lần, từ 116 tỉ USD năm 2010 lên 268,4 tỉ USD vào năm 2020. GDP bình quân đầu người tăng từ 1.331 USD năm 2010 lên khoảng 2.750 USD năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm nhanh, từ 14,2% năm 2010 xuống còn 7% năm 2015 (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015) và giảm từ 9,2% năm 2016 xuống dưới 3% vào năm 2020 (theo chuẩn nghèo đa chiều). Cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các huyện nghèo, xã nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tăng cường. Thực hiện nhiều giải pháp tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động

Câu 17. Nội dung nào dưới đây thể hiện tăng trưởng kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện phát triển bền vững được đề cập trong thông tin trên?

A. Tốc độ tăng dân số phù hợp với.

B. Thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao.

C. Tạo việc làm và nâng cao thu nhập.

D. Giảm tỷ lệ lạm phát, giá cả được kiểm soát.

Câu 18. Yếu tố nào được đề cập trong thông tin trên là nhân tố quyết định việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế về mặt xã hội?

A. Tăng trưởng việc làm.

B. Tăng trưởng kinh tế.

C. Tăng trưởng dân số.

D. Tốc độ tăng lạm phát.

Câu 19. Nội dung nào dưới đây **không** phải là chỉ tiêu cơ bản để đánh giá sự tăng trưởng và phát triển kinh tế trong thông tin trên?

A. Tốc độ tăng GDP.

B. Thu nhập bình quân theo GDP.

C. Tỷ lệ hộ nghèo và thu nhập.

D. Tốc độ tăng dân số.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 20, 21

Diễn đàn hợp tác kinh tế là hình thức hội nhập kinh tế quốc tế ra đời vào thập niên 80 thế kỷ XX, ví dụ: Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) và Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM). Các quốc gia tham gia diễn đàn hợp tác kinh tế không có những cam kết mang tính ràng buộc thực hiện, mà chủ yếu mang tính định hướng, khuyến nghị hành động đối với các quốc gia thành viên. Những nguyên tắc được xây

dựng giữa các quốc gia tham gia diễn đàn là linh hoạt và tự nguyện để thực hiện tự do hoá và thuận lợi hoá thương mại, đầu tư. Tuy vậy, ngày nay, diễn đàn hợp tác kinh tế cũng có vai trò khá quan trọng trong định hướng phát triển kinh tế, thương mại cũng như giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội cùng quan tâm của các quốc gia trong một khu vực, duy trì, thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế, nhất là trong thời điểm xuất hiện những xu thế chống lại toàn cầu hóa gia tăng bảo hộ trong nước.

Câu 20. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) và Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM), là biểu hiện của hình thức hợp tác kinh tế quốc tế nào dưới đây?

- A. Hợp tác song phương.
- B. Hợp tác khu vực.
- C. Hợp tác toàn cầu.
- D. Hợp tác quốc tế.

Câu 21. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) và Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM), là những diễn đàn đi sâu giải quyết các vấn đề nào dưới đây?

- A. Kinh tế - quốc phòng.
- B. Ngoại giao – quốc phòng.
- C. Kinh tế - thương mại.
- D. Chính trị - quân sự.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 22, 23, 24

Năm 2013 bà Nguyễn Thị A giao kết hợp đồng lao động có thời hạn 24 tháng với trường tiểu học E với mức lương như sau. Tuy nhiên, từ ngày 01/1/2015 đến ngày 30/6/2015, bà A nghỉ hưởng chế độ thai sản. Sau đó, do điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động vì vậy bà A đã làm đơn xin nghỉ việc theo quy định của pháp luật lao động và ngày 01/7/2015 trường tiểu học E ban hành quyết định nghỉ việc cho bà A, quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Câu 22. Theo quy định của pháp luật, sau thời gian bà A được trường tiểu học E ban hành quyết định nghỉ việc, nếu không đi làm tiếp, bà A có thể tiếp tục tham gia loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Bảo hiểm thất nghiệp.
- B. Bảo hiểm xã hội bắt buộc.
- C. Bảo hiểm xã hội tự nguyện.
- D. Bảo hiểm xã hội thai sản.

Câu 23. Theo quy định của pháp luật, trong thời gian nghỉ chế độ thai sản bà A được hưởng chế độ bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Bảo hiểm thất nghiệp.
- B. Chế độ thai sản.
- C. Trợ cấp nghề nghiệp.
- D. Chế độ hưu trí.

Câu 24. Theo quy định của pháp luật, sau thời gian bà A được trường tiểu học E ban hành quyết định nghỉ việc, bà A có quyền được hưởng loại bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Trợ cấp tai nạn.
- B. Bảo hiểm thất nghiệp.
- C. Trợ cấp thai sản.
- D. Bảo hiểm dân sự.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn thông tin sau:

Ông N từng tham gia đóng BHXH bắt buộc, sau đó ông nghỉ tham gia Hội Nông dân thị trấn khi mới đóng được 15 năm, chưa đủ điều kiện về số năm đóng BHXH để có chế độ hưu trí (tối thiểu 20 năm). Cuối năm 2022, ông quyết định tham gia BHXH tự nguyện, nhờ sự kiên trì theo đuổi đóng đủ số năm quy định, giờ đây ông N chính thức được nhận lương hưu. Ông chia sẻ: “Sau khi được tư vấn cán bộ BHXH huyện, trường hợp của tôi có 2 phương án lựa chọn, 1 là hưởng BHXH 01 lần, hai là đóng 1 lần BHXH tự nguyện những năm còn thiếu. Sau khi nghe cán bộ BHXH phân tích, tôi suy nghĩ và bàn bạc với gia đình, tôi quyết định đóng BHXH tự nguyện một lần cho những năm còn thiếu. Sau khi hoàn thành thủ tục đóng tiền, ít ngày sau tôi nhận tháng lương hưu đầu tiên với số tiền hơn 1,8 triệu đồng. Với khoản lương hưu này giúp tôi có thêm khoản thu nhập để lo cuộc sống hàng ngày. Ngoài ra, tôi còn được cấp thẻ BHYT chăm sóc sức khỏe trọn đời”.

- a. Tham gia bảo hiểm đã giúp ông N được bảo vệ sức khỏe và yên tâm về tài chính khi về già.
- b. Ông N đã cao tuổi nên nếu rút bảo hiểm xã hội một lần sẽ lợi hơn khi đóng tiếp để hưởng hưu trí.

- c. Ông N chỉ được hưởng chế độ hưu trí và thẻ bảo hiểm y tế để khám bệnh.
- d. Công dân cứ đóng đủ số năm tham gia bảo hiểm xã hội là sẽ được nhận chế độ hưu trí.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin sau:

Theo Tổng cục Thống kê công bố, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2023 đạt 5,05% và có xu hướng tăng dần theo thời gian, quý IV đạt 6,72%, cao nhất so với quý III, II và quý 1 (tương ứng đạt 5,47, 4,25% và 3,41%), cao hơn mức trung bình của thế giới và khu vực cũng như nhiều nước trong giai đoạn tăng trưởng nhanh.

- a. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 sẽ tỉ lệ thuận với mức thu nhập và đời sống của người dân.
- b. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 cho thấy Việt Nam là quốc gia có mức sống cao.
- c. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 đạt mức cao nhất so với các năm trước đó.
- d. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 là căn cứ để so sánh với sự tăng trưởng kinh tế của năm 2024.

Câu 3. Đọc đoạn thông tin sau:

Về kinh tế, từng bước thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển năng lượng sạch; thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững. Tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 đạt trung bình 7%/năm, nâng mức thu nhập bình quân đầu người hằng năm tính theo GDP tăng lên 3.200 - 3.500 USD (so với mức 2.100 USD năm 2015). Lạm phát giữ ở mức dưới 5%. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; năm 2014 đã có 1,4 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội, trên 8,5 triệu người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, trên 72% dân số tham gia bảo hiểm y tế. Đời sống nhân dân được cải thiện. Thu nhập bình quân đầu người đạt 2.052 USD/người (2014). Tuổi thọ trung bình đạt 73,5 tuổi (2015). Hoàn thành nhiều mục tiêu Thiên niên kỷ.

- a. Tuổi thọ trung bình của người dân Việt Nam không ngừng tăng là kết quả của việc thực hiện tăng trưởng kinh tế cao.
- b. Thu nhập theo đầu người từ 3.500 USD giảm xuống còn 2.052 USD phản ánh sự phát triển kinh tế theo chiều hướng đi xuống.
- c. Với 72% dân số tham gia bảo hiểm y tế là thể hiện các chỉ tiêu về tiến bộ xã hội khi nước ta phát triển kinh tế.
- d. Kết quả tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 đạt trung bình 7%/năm tạo tiền đề vật chất thúc đẩy các chỉ tiêu về phát triển kinh tế.

Câu 4. Đọc đoạn thông tin sau:

Đại hội lần thứ IX của Đảng đã đề ra chủ trương “chủ động hội nhập kinh tế quốc tế”; ngày 27/11/2001, Bộ Chính trị khóa IX đã ban hành Nghị quyết số 07 NQ/TW “Về hội nhập kinh tế quốc tế”. Đại hội lần thứ X của Đảng khẳng định chủ trương “chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực khác”; ngày 05/02/2007, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW “Về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới”.

(Nguồn: Theo Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế)

- a. Thông tin trên thể hiện chủ trương và quyết tâm của Đảng ta về hội nhập kinh tế quốc tế.
- b. Hội nhập kinh tế quốc tế phải gắn liền với mục tiêu phát triển bền vững.
- c. Việc hội nhập kinh tế quốc tế chỉ cần chú trọng lĩnh vực kinh tế.
- d. Mở rộng hợp tác quốc tế sẽ khiến Việt Nam bị lệ thuộc vào các quốc gia khác.

---HẾT---

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC
(Đề kiểm tra gồm 04 trang)

Môn: GDKT&PL - Ngày kiểm tra: .../10/2024

Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

Mã đề: 122

Họ tên thí sinh:

Số báo danh:

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Chủ thể nào có quyền được hưởng trợ cấp thất nghiệp khi bị mất việc làm?

- A. Người lao động. B. Tổ chức bảo hiểm.
C. Người lao động và người sử dụng lao động. D. Người sử dụng lao động.

Câu 2. Theo quy định của pháp luật, người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nếu đủ điều kiện có thể được hưởng chế độ

- A. trợ cấp đi lại. B. trợ cấp thất nghiệp. C. trợ cấp lưu trú. D. trợ cấp thai sản.

Câu 3. Yếu tố nào dưới đây là chỉ tiêu của phát triển kinh tế?

- A. Tăng trưởng dân số. B. Tiến bộ xã hội. C. Mức sống bình dân. D. Cơ cấu dòng tiền.

Câu 4. Tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững

- A. có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. B. độc lập với nhau.
C. cản trở nhau phát triển. D. triệt tiêu nhau.

Câu 5. Quá trình liên kết, gắn kết giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới, cùng nhau thỏa thuận, cùng tham gia các tổ chức toàn cầu là hình thức hội nhập nào dưới đây?

- A. Hội nhập kinh tế song phương. B. Hội nhập kinh tế khu vực.
C. Hội nhập kinh tế toàn cầu. D. Hội nhập kinh tế đa phương.

Câu 6. Loại hình bảo hiểm xã hội do Nhà nước tổ chức mà người tham gia được lựa chọn mức đóng, phương thức đóng phù hợp với mức thu nhập của mình và Nhà nước có chính sách hỗ trợ tiền đóng để người tham gia hưởng chế độ hưu trí và tử tuất là loại hình bảo hiểm nào?

- A. Bảo hiểm xã hội bắt buộc. B. Bảo hiểm y tế tự nguyện.
C. Bảo hiểm y tế bắt buộc. D. Bảo hiểm xã hội tự nguyện.

Câu 7. Hoạt động dịch vụ tài chính thông qua đó người tham gia bảo hiểm đóng một khoản phí cho tổ chức bảo hiểm để được hưởng bồi thường hoặc chi trả bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm là nội dung của khái niệm nào sau đây?

- A. Bảo hiểm. B. Tài chính. C. Bảo tức. D. Tín dụng.

Câu 8. Anh A đến đại lý bán bảo hiểm để mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự xe cơ giới cho chiếc xe máy mà mình đang sử dụng. Anh A đã sử dụng loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Bảo hiểm xã hội. B. Bảo hiểm thương mại.
C. Bảo hiểm thất nghiệp. D. Bảo hiểm y tế.

Câu 9. Ngày 25/12/2008, Việt Nam và Nhật Bản đã chính thức ký kết Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam - Nhật Bản, xét về cấp độ hợp tác đây là hình thức hợp tác

- A. song phương. B. châu lục. C. khu vực. D. toàn cầu.

Câu 10. Một quốc gia hợp tác với một quốc gia khác là hình thức hội nhập kinh tế

- A. đa phương. B. toàn diện. C. song phương. D. toàn cầu.

Câu 11. Đối với mỗi quốc gia, phát triển kinh tế thể hiện ở nội dung nào dưới đây?

- A. Chuyển dịch vùng sản xuất. B. Chuyển dịch cơ cấu ngành.

C. Chuyển dịch việc phân phối.

D. Chuyển đổi mô hình tiền tệ.

Câu 12. Đối với các nước đang phát triển, việc tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sẽ mang lại lợi ích nào dưới đây?

A. Lệ thuộc tài chính vào nước lớn.

B. Được chuyển lên thành nước lớn.

C. Tận dụng được nguồn tài chính.

D. Mở mang thêm phạm vi lãnh thổ.

Câu 13. Một quốc gia được coi là có sự phát triển về kinh tế khi cơ cấu ngành nông nghiệp giảm đi, cơ cấu ngành công nghiệp, dịch vụ có xu hướng

A. cân bằng.

B. giảm theo.

C. không đổi.

D. tăng lên.

Câu 14. Sự hợp tác được kí kết giữa các quốc gia trong một khu vực trên cơ sở sự tương đồng về địa lí, văn hóa, xã hội hoặc có chung mục tiêu, lợi ích phát triển là cấp độ hội nhập kinh tế

A. song phương.

B. khu vực.

C. đa phương.

D. toàn cầu.

Câu 15. Ngày 28-7-1995, Việt Nam trở thành thành viên thứ bảy của ASEAN, đánh dấu bước đi đầu tiên của đất nước trong hành trình hội nhập khu vực và thế giới. Việc gia nhập ASEAN là biểu hiện của hình thức hội nhập kinh tế quốc tế nào dưới đây?

A. Toàn quốc.

B. Song phương.

C. Toàn cầu.

D. Khu vực.

Câu 16. Phát biểu nào sau đây là **sai** về tăng trưởng kinh tế?

A. Tổng thu nhập quốc dân là một trong những căn cứ đánh giá tăng trưởng kinh tế.

B. Tăng trưởng kinh tế là tăng lên về quy mô sản lượng của nền kinh tế.

C. Việt Nam và các quốc gia khác trong ASEAN đều có tăng trưởng kinh tế như nhau.

D. Tăng trưởng kinh tế được tính trong một thời kì nhất định.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 17, 18, 19

Tính chung thời kì thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm (2011 - 2020), tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt khoảng 5,9%/năm, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực. Quy mô GDP tăng gấp 2,4 lần, từ 116 tỉ USD năm 2010 lên 268,4 tỉ USD vào năm 2020. GDP bình quân đầu người tăng từ 1.331 USD năm 2010 lên khoảng 2.750 USD năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm nhanh, từ 14,2% năm 2010 xuống còn 7% năm 2015 (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015) và giảm từ 9,2% năm 2016 xuống dưới 3% vào năm 2020 (theo chuẩn nghèo đa chiều). Cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các huyện nghèo, xã nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tăng cường. Thực hiện nhiều giải pháp tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động.

Câu 17. Yếu tố nào được đề cập trong thông tin trên là nhân tố quyết định việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế về mặt xã hội?

A. Tăng trưởng việc làm.

B. Tăng trưởng dân số.

C. Tốc độ tăng lạm phát.

D. Tăng trưởng kinh tế.

Câu 18. Nội dung nào dưới đây thể hiện tăng trưởng kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện phát triển bền vững được đề cập trong thông tin trên?

A. Thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao.

B. Tạo việc làm và nâng cao thu nhập.

C. Tốc độ tăng dân số phù hợp với.

D. Giảm tỷ lệ lạm phát, giá cả được kiểm soát.

Câu 19. Nội dung nào dưới đây **không** phải là chỉ tiêu cơ bản để đánh giá sự tăng trưởng và phát triển kinh tế trong thông tin trên?

A. Thu nhập bình quân theo GDP.

B. Tốc độ tăng GDP.

C. Tỷ lệ hộ nghèo và thu nhập.

D. Tốc độ tăng dân số.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 20, 21

Kể từ khi chính thức gia nhập WTO, Việt Nam đã ghi nhận những thành tựu về phát triển kinh tế. Việt Nam trở thành nền kinh tế có độ mở cao, tới 200% GDP và cải thiện cán cân thương mại hàng hóa, chuyển từ nhập siêu sang xuất siêu trong giai đoạn 2016 - 2020. Đến năm 2020 nhiều hiệp định thương mại tự do song phương

và đa phương đã có hiệu lực, thúc đẩy hoạt động xuất khẩu hàng hóa của nước ta ngày càng mở rộng. Theo Tổng cục Thống kê, từ năm 2016 đến năm 2022, cán cân thương mại của Việt Nam luôn đạt thặng dư với mức xuất siêu tăng dần qua các năm. Năm 2022, cán cân thương mại xuất siêu đạt 12,4 tỷ USD, là năm thứ 7 liên tiếp cán cân thương mại hàng hóa ở mức thặng dư mặc dù gặp nhiều khó khăn sau ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh COVID-19. Trở thành một trong 20 nền thương mại lớn nhất thế giới.

Câu 20. Nội dung nào dưới đây thể hiện vai trò của hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam?

- A. Dịch chuyển dòng ngoại tệ.
- B. Tăng cường quốc phòng.
- C. Đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa.
- D. Gia tăng sự lệ thuộc về chính trị.

Câu 21. Việc gia nhập WTO của Việt Nam là biểu hiện của hình thức hội nhập nào dưới đây?

- A. Hội nhập toàn diện.
- B. Hội nhập song phương.
- C. Hội nhập khu vực.
- D. Hội nhập toàn cầu.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 22, 23, 24

Chia sẻ về việc quyết định tham gia BHXH tự nguyện, chị D cho biết, trước đây chị làm công nhân đã có 10 năm tham gia BHXH bắt buộc và sau khi nghỉ việc chị không còn được tham gia nữa. Nghỉ việc ở nhà, chị chuyển sang bán hàng ăn để mưu sinh hàng ngày. Công việc vất vả, thức khuya dậy sớm khiến sức khỏe chị ngày một yếu đi. Lúc này chị bắt đầu nghĩ tới và tham gia BHXH tự nguyện. Tính đến nay chị đã đóng được 5 năm, mỗi lần đều đóng theo quý, mỗi quý hơn 600 ngàn đồng. Không những tham gia BHXH tự nguyện, chị còn tham gia cả BHYT hộ gia đình. Nói về lợi ích của việc tham gia những loại hình bảo hiểm trên, chị D xúc động cho hay: Tôi cũng vừa mới mổ u được vài tháng. Đến khi bị bệnh tôi mới thấy sự hữu ích của những loại hình bảo hiểm này. Cứ hoàn cảnh như hiện nay, khi hết tuổi lao động mà không tham gia các loại hình bảo hiểm của nhà nước sẽ không biết lấy gì nuôi thân nếu như không có nguồn thu ổn định.

Câu 22. Các loại hình bảo hiểm mà chị D tham gia có đặc điểm chung nào dưới đây?

- A. Được hưởng ngay sau khi đóng phí.
- B. Bắt buộc đối với mọi công dân.
- C. Do Nhà nước tổ chức.
- D. Do cá nhân triển khai.

Câu 23. Ngoài loại hình bảo hiểm xã hội, chị D còn tham gia loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Bảo hiểm y tế.
- B. Bảo hiểm thương mại.
- C. Bảo hiểm thất nghiệp.
- D. Bảo hiểm dân sự.

Câu 24. Thông tin trên cho biết chị D đã và đang tham gia các loại hình bảo hiểm xã hội nào dưới đây?

- A. Tự nguyện và bắt buộc.
- B. Tự nguyện và tài trợ.
- C. Thất nghiệp và tự nguyện.
- D. Bắt buộc và tài trợ.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn thông tin sau:

Ngày 15/3/2022, anh T có tham gia hợp đồng bảo hiểm tại công ty bảo hiểm Manulife Việt Nam. Tháng 2/2023, anh T có xảy ra tai nạn và bị đơn vị Đội Cảnh sát giao thông phường B xử lý. Với việc mua bảo hiểm, tháng 3/2023 anh T được công ty bảo hiểm thanh toán bồi thường quyền lợi tai nạn theo đúng hợp đồng bảo hiểm sau khi nhận được yêu cầu bồi thường tai nạn từ anh T.

a. Bảo hiểm thương mại mang yếu tố nhân đạo, hỗ trợ tài chính và tinh thần đối với người tham gia bảo hiểm.

b. Bảo hiểm thương mại là một kênh huy động vốn rất quan trọng trong đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

c. Bảo hiểm anh T tham gia thuộc bảo hiểm thương mại.

d. Anh T đã chuyển giao rủi ro của mình cho bên tổ chức bảo hiểm thông qua tham gia hợp đồng bảo hiểm.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin sau:

Hội nhập kinh tế quốc tế đã góp phần thúc đẩy thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam. Thời kỳ 1995 - 2022, Việt Nam thu hút được 39.313 dự án với tổng vốn đăng ký 541.149,4 triệu USD,

tổng vốn thực hiện 269.227,4 triệu USD (chiếm 49,75% tổng vốn đăng ký). Số dự án và vốn thực hiện hàng năm có xu hướng gia tăng trong thời kỳ này, tăng từ 415 dự án với vốn thực hiện là 7.925,2 triệu USD năm 1995 lên 2.169 dự án với vốn thực hiện là 22.396 triệu USD năm 2022. Vốn FDI vào Việt Nam chiếm 22,87% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, đóng góp 18,16% GDP và 54,82% kim ngạch xuất khẩu hàng hóa.

(Nguồn: Theo tạp chí nghiên cứu công nghiệp và thương nghiệp)

a. Việc thu hút được nhiều vốn và dự án đầu tư sẽ khiến nền kinh tế Việt Nam bị lệ thuộc nguồn lực từ bên ngoài.

b. Thông tin trên thể hiện Việt Nam là một đối tác tin cậy của các nước trên thế giới.

c. Việc thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam càng nhiều càng khiến nước ta lệ thuộc kinh tế vào các nước trên thế giới.

d. Hội nhập kinh tế quốc tế đã tạo cơ hội cho nước ta tiếp cận và sử dụng nguồn lực tài chính cho sự phát triển của đất nước.

Câu 3. Đọc đoạn thông tin sau:

Theo Tổng cục Thống kê công bố, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2023 đạt 5,05% và có xu hướng tăng dần theo thời gian, quý IV đạt 6,72%, cao nhất so với quý III, II và quý I (tương ứng đạt 5,47, 4,25% và 3,41%), cao hơn mức trung bình của thế giới và khu vực cũng như nhiều nước trong giai đoạn tăng trưởng nhanh.

a. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 cho thấy Việt Nam là quốc gia có mức sống cao.

b. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 là căn cứ để so sánh với sự tăng trưởng kinh tế của năm 2024.

c. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 sẽ tỉ lệ thuận với mức thu nhập và đời sống của người dân.

d. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 đạt mức cao nhất so với các năm trước đó.

Câu 4. Đọc đoạn thông tin sau:

Về kinh tế, từng bước thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển năng lượng sạch; thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững. Tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 đạt trung bình 7%/năm, nâng mức thu nhập bình quân đầu người hằng năm tính theo GDP tăng lên 3.200 - 3.500 USD (so với mức 2.100 USD năm 2015). Lạm phát giữ ở mức dưới 5%. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; năm 2014 đã có 1,4 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội, trên 8,5 triệu người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, trên 72% dân số tham gia bảo hiểm y tế. Đời sống nhân dân được cải thiện. Thu nhập bình quân đầu người đạt 2.052 USD/người (2014). Tuổi thọ trung bình đạt 73,5 tuổi (2015). Hoàn thành nhiều mục tiêu Thiên niên kỷ.

a. Thu nhập theo đầu người từ 3.500 USD giảm xuống còn 2.052 USD phản ánh sự phát triển kinh tế theo chiều hướng đi xuống.

b. Kết quả tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 đạt trung bình 7%/năm tạo tiền đề vật chất thúc đẩy các chỉ tiêu về phát triển kinh tế.

c. Tuổi thọ trung bình của người dân Việt Nam không ngừng tăng là kết quả của việc thực hiện tăng trưởng kinh tế cao.

d. Với 72% dân số tham gia bảo hiểm y tế là thể hiện các chỉ tiêu về tiến bộ xã hội khi nước ta phát triển kinh tế.

---HẾT---

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC
(Đề kiểm tra gồm 04 trang)

Môn: GDKT&PL - Ngày kiểm tra: .../10/2024

Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

Mã đề: 123

Họ tên thí sinh:

Số báo danh:

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Cụm từ GDP/người là một trong những chỉ tiêu thể hiện tốc độ tăng trưởng kinh tế nó thể hiện nội dung nào dưới đây?

- A. Tổng sản phẩm quốc dân theo đầu người. B. Tổng sản phẩm quốc nội.
C. Tổng sản phẩm quốc dân. D. Tổng sản phẩm quốc nội theo đầu người.

Câu 2. Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện vai trò của bảo hiểm đối với sự phát triển kinh tế - xã hội?

- A. Tăng thu ngân sách nhà nước. B. Mở rộng hội nhập quốc tế.
C. Gia tăng tỷ lệ lạm phát. D. Tạo ra nhiều việc làm mới.

Câu 3. Ngày 25/12/2008, Việt Nam và Nhật Bản đã chính thức ký kết Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam - Nhật Bản, xét về cấp độ hợp tác đây là hình thức hợp tác

- A. khu vực. B. toàn cầu. C. song phương. D. châu lục.

Câu 4. Hội nhập kinh tế quốc tế được thực hiện theo các cấp độ nào dưới đây?

- A. Thoả thuận, liên minh, hợp tác. B. Song phương, khu vực, toàn cầu.
C. Thoả thuận, liên kết, hoà nhập. D. Song phương, đa phương, toàn diện.

Câu 5. Sự hợp tác được kí kết giữa các quốc gia trong một khu vực trên cơ sở sự tương đồng về địa lí, văn hóa, xã hội hoặc có chung mục tiêu, lợi ích phát triển là cấp độ hội nhập kinh tế

- A. khu vực. B. song phương. C. toàn cầu. D. đa phương.

Câu 6. Tăng trưởng kinh tế là trong thời kì nhất định nền kinh tế

- A. giá cả hàng hóa tăng nhanh. B. giảm về quy mô, sản lượng.
C. đảm bảo chỉ tiêu năm trước. D. tăng lên về quy mô, sản lượng.

Câu 7. Hành vi nào dưới đây kìm hãm sự tăng trưởng, phát triển kinh tế đất nước?

- A. Đóng thuế theo quy định. B. Tìm kiếm thị trường tiêu thụ.
C. Tạo việc làm cho người lao động. D. Sản xuất hàng giả, hàng nhái.

Câu 8. Chủ thể nào có quyền được hưởng trợ cấp thất nghiệp khi bị mất việc làm?

- A. Người lao động. B. Người sử dụng lao động.
C. Người lao động và người sử dụng lao động. D. Tổ chức bảo hiểm.

Câu 9. Hoạt động dịch vụ tài chính thông qua đó người tham gia bảo hiểm đóng một khoản phí cho tổ chức bảo hiểm để được hưởng bồi thường hoặc chi trả bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm là nội dung của khái niệm nào sau đây?

- A. Bảo hiểm. B. Tín dụng. C. Tài chính. D. Bảo tức.

Câu 10. Bảo hiểm nào chỉ có hình thức bắt buộc, không có hình thức tự nguyện?

- A. Bảo hiểm xã hội. B. Bảo hiểm y tế.
C. Bảo hiểm thương mại. D. Bảo hiểm thất nghiệp.

Câu 11. Loại hình bảo hiểm xã hội do Nhà nước tổ chức mà người tham gia được lựa chọn mức đóng, phương thức đóng phù hợp với mức thu nhập của mình và Nhà nước có chính sách hỗ trợ tiền đóng để người tham gia

hưởng chế độ hưu trí và tử tuất là loại hình bảo hiểm nào?

A. Bảo hiểm xã hội tự nguyện.

B. Bảo hiểm xã hội bắt buộc.

C. Bảo hiểm y tế bắt buộc.

D. Bảo hiểm y tế tự nguyện.

Câu 12. Hội nhập kinh tế khu vực **không** được thực hiện giữa các quốc gia có đặc điểm nào dưới đây?

A. Tương đồng về địa lý.

B. Đang chiến tranh với nhau.

C. Cùng chung mục tiêu.

D. Có sự phù hợp về văn hóa.

Câu 13. Tăng trưởng, phát triển kinh tế là điều kiện tiên quyết để nước ta

A. đa dạng nền kinh tế.

B. tài trợ hoạt động từ thiện.

C. tìm kiếm thị trường.

D. khắc phục tình trạng tụt hậu.

Câu 14. Tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững

A. cản trở nhau phát triển.

B. triệt tiêu nhau.

C. độc lập với nhau.

D. có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

Câu 15. Quá trình liên kết, gắn kết giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới, cùng nhau thỏa thuận, cùng tham gia các tổ chức toàn cầu là hình thức hội nhập nào dưới đây?

A. Hội nhập kinh tế đa phương.

B. Hội nhập kinh tế toàn cầu.

C. Hội nhập kinh tế song phương.

D. Hội nhập kinh tế khu vực.

Câu 16. Sự hợp tác giữa hai quốc gia, dựa trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng độc lập và chủ quyền của nhau và tuân thủ các chuẩn mực quốc tế chung nhằm thiết lập và phát triển quan hệ kinh tế thương mại giữa các bên là hình thức hội nhập kinh tế.

A. song phương.

B. quốc tế.

C. toàn cầu.

D. đa phương.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 17, 18, 19

Tính chung thời kì thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm (2011 - 2020), tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt khoảng 5,9%/năm, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực. Quy mô GDP tăng gấp 2,4 lần, từ 116 tỉ USD năm 2010 lên 268,4 tỉ USD vào năm 2020. GDP bình quân đầu người tăng từ 1.331 USD năm 2010 lên khoảng 2.750 USD năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm nhanh, từ 14,2% năm 2010 xuống còn 7% năm 2015 (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015) và giảm từ 9,2% năm 2016 xuống dưới 3% vào năm 2020 (theo chuẩn nghèo đa chiều). Cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các huyện nghèo, xã nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tăng cường. Thực hiện nhiều giải pháp tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động.

Câu 17. Nội dung nào dưới đây thể hiện tăng trưởng kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện phát triển bền vững được đề cập trong thông tin trên?

A. Giảm tỷ lệ lạm phát, giá cả được kiểm soát.

B. Thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao.

C. Tốc độ tăng dân số phù hợp với.

D. Tạo việc làm và nâng cao thu nhập.

Câu 18. Nội dung nào dưới đây **không** phải là chỉ tiêu cơ bản để đánh giá sự tăng trưởng và phát triển kinh tế trong thông tin trên?

A. Tỷ lệ hộ nghèo và thu nhập.

B. Tốc độ tăng GDP.

C. Thu nhập bình quân theo GDP.

D. Tốc độ tăng dân số.

Câu 19. Yếu tố nào được đề cập trong thông tin trên là nhân tố quyết định việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế về mặt xã hội?

A. Tăng trưởng kinh tế.

B. Tăng trưởng dân số.

C. Tốc độ tăng lạm phát.

D. Tăng trưởng việc làm.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 20, 21

Diễn đàn hợp tác kinh tế là hình thức hội nhập kinh tế quốc tế ra đời vào thập niên 80 thế kỷ XX, ví dụ: Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) và Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM). Các quốc gia tham gia diễn đàn hợp tác kinh tế không có những cam kết mang tính ràng buộc thực hiện, mà chủ yếu

mang tính định hướng, khuyến nghị hành động đối với các quốc gia thành viên. Những nguyên tắc được xây dựng giữa các quốc gia tham gia diễn đàn là linh hoạt và tự nguyện để thực hiện tự do hoá và thuận lợi hoá thương mại, đầu tư. Tuy vậy, ngày nay, diễn đàn hợp tác kinh tế cũng có vai trò khá quan trọng trong định hướng phát triển kinh tế, thương mại cũng như giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội cùng quan tâm của các quốc gia trong một khu vực, duy trì, thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế, nhất là trong thời điểm xuất hiện những xu thế chống lại toàn cầu hóa gia tăng bảo hộ trong nước.

Câu 20. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) và Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM), là biểu hiện của hình thức hợp tác kinh tế quốc tế nào dưới đây?

- A. Hợp tác song phương.
- B. Hợp tác toàn cầu.
- C. Hợp tác quốc tế.
- D. Hợp tác khu vực.

Câu 21. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) và Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM), là những diễn đàn đi sâu giải quyết các vấn đề nào dưới đây?

- A. Kinh tế - quốc phòng.
- B. Ngoại giao - quốc phòng.
- C. Chính trị - quân sự.
- D. Kinh tế - thương mại.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 22, 23, 24

Năm 2013 bà Nguyễn Thị A giao kết hợp đồng lao động có thời hạn 24 tháng với trường tiểu học E với mức lương như sau. Tuy nhiên, từ ngày 01/1/2015 đến ngày 30/6/2015, bà A nghỉ hưởng chế độ thai sản. Sau đó, do điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động vì vậy bà A đã làm đơn xin nghỉ việc theo quy định của pháp luật lao động và ngày 01/7/2015 trường tiểu học E ban hành quyết định nghỉ việc cho bà A, quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Câu 22. Theo quy định của pháp luật, trong thời gian nghỉ chế độ thai sản bà A được hưởng chế độ bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Chế độ hưu trí.
- B. Chế độ thai sản.
- C. Trợ cấp nghề nghiệp.
- D. Bảo hiểm thất nghiệp.

Câu 23. Theo quy định của pháp luật, sau thời gian bà A được trường tiểu học E ban hành quyết định nghỉ việc, nếu không đi làm tiếp, bà A có thể tiếp tục tham gia loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Bảo hiểm xã hội tự nguyện.
- B. Bảo hiểm xã hội bắt buộc.
- C. Bảo hiểm thất nghiệp.
- D. Bảo hiểm xã hội thai sản.

Câu 24. Theo quy định của pháp luật, sau thời gian bà A được trường tiểu học E ban hành quyết định nghỉ việc, bà A có quyền được hưởng loại bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Trợ cấp tai nạn.
- B. Trợ cấp thai sản.
- C. Bảo hiểm dân sự.
- D. Bảo hiểm thất nghiệp.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn thông tin sau:

Ông N từng tham gia đóng BHXH bắt buộc, sau đó ông nghỉ tham gia Hội Nông dân thị trấn khi mới đóng được 15 năm, chưa đủ điều kiện về số năm đóng BHXH để có chế độ hưu trí (tối thiểu 20 năm). Cuối năm 2022, ông quyết định tham gia BHXH tự nguyện, nhờ sự kiên trì theo đuổi đóng đủ số năm quy định, giờ đây ông N chính thức được nhận lương hưu. Ông chia sẻ: “Sau khi được tư vấn cán bộ BHXH huyện, trường hợp của tôi có 2 phương án lựa chọn, 1 là hưởng BHXH 01 lần, hai là đóng 1 lần BHXH tự nguyện những năm còn thiếu. Sau khi nghe cán bộ BHXH phân tích, tôi suy nghĩ và bàn bạc với gia đình, tôi quyết định đóng BHXH tự nguyện một lần cho những năm còn thiếu. Sau khi hoàn thành thủ tục đóng tiền, ít ngày sau tôi nhận tháng lương hưu đầu tiên với số tiền hơn 1,8 triệu đồng. Với khoản lương hưu này giúp tôi có thêm khoản thu nhập để lo cuộc sống hàng ngày. Ngoài ra, tôi còn được cấp thẻ BHYT chăm sóc sức khỏe trọn đời”.

- a. Tham gia bảo hiểm đã giúp ông N được bảo vệ sức khỏe và yên tâm về tài chính khi về già.
- b. Ông N chỉ được hưởng chế độ hưu trí và thẻ bảo hiểm y tế để khám bệnh.

- c. Công dân cứ đóng đủ số năm tham gia bảo hiểm xã hội là sẽ được nhận chế độ hưu trí.
- d. Ông N đã cao tuổi nên nếu rút bảo hiểm xã hội một lần sẽ lợi hơn khi đóng tiếp để hưởng hưu trí.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin sau:

Theo Tổng cục Thống kê công bố, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2023 đạt 5,05% và có xu hướng tăng dần theo thời gian, quý IV đạt 6,72%, cao nhất so với quý III, II và quý 1 (tương ứng đạt 5,47, 4,25% và 3,41%), cao hơn mức trung bình của thế giới và khu vực cũng như nhiều nước trong giai đoạn tăng trưởng nhanh.

- a. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 sẽ tỉ lệ thuận với mức thu nhập và đời sống của người dân.
- b. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 là căn cứ để so sánh với sự tăng trưởng kinh tế của năm 2024.
- c. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 cho thấy Việt Nam là quốc gia có mức sống cao.
- d. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 đạt mức cao nhất so với các năm trước đó.

Câu 3. Đọc đoạn thông tin sau:

Về kinh tế, từng bước thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển năng lượng sạch; thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững. Tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 đạt trung bình 7%/năm, nâng mức thu nhập bình quân đầu người hằng năm tính theo GDP tăng lên 3.200 - 3.500 USD (so với mức 2.100 USD năm 2015). Lạm phát giữ ở mức dưới 5%. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; năm 2014 đã có 1,4 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội, trên 8,5 triệu người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, trên 72% dân số tham gia bảo hiểm y tế. Đời sống nhân dân được cải thiện. Thu nhập bình quân đầu người đạt 2.052 USD/người (2014). Tuổi thọ trung bình đạt 73,5 tuổi (2015). Hoàn thành nhiều mục tiêu Thiên niên kỷ.

- a. Tuổi thọ trung bình của người dân Việt Nam không ngừng tăng là kết quả của việc thực hiện tăng trưởng kinh tế cao.
- b. Kết quả tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 đạt trung bình 7%/năm tạo tiền đề vật chất thúc đẩy các chỉ tiêu về phát triển kinh tế.
- c. Thu nhập theo đầu người từ 3.500 USD giảm xuống còn 2052 USD phản ánh sự phát triển kinh tế theo chiều hướng đi xuống.
- d. Với 72% dân số tham gia bảo hiểm y tế là thể hiện các chỉ tiêu về tiến bộ xã hội khi nước ta phát triển kinh tế.

Câu 4. Đọc đoạn thông tin sau:

Đại hội lần thứ IX của Đảng đã đề ra chủ trương “chủ động hội nhập kinh tế quốc tế”; ngày 27/11/2001, Bộ Chính trị khóa IX đã ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TW “Về hội nhập kinh tế quốc tế”. Đại hội lần thứ X của Đảng khẳng định chủ trương “chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực khác”; ngày 05/02/2007, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW “Về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới”.

(Nguồn: Theo Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế)

- a. Thông tin trên thể hiện chủ trương và quyết tâm của Đảng ta về hội nhập kinh tế quốc tế.
- b. Hội nhập kinh tế quốc tế phải gắn liền với mục tiêu phát triển bền vững.
- c. Mở rộng hợp tác quốc tế sẽ khiến Việt Nam bị lệ thuộc vào các quốc gia khác.
- d. Việc hội nhập kinh tế quốc tế chỉ cần chú trọng lĩnh vực kinh tế.

----HẾT----

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC

(Đề kiểm tra gồm 04 trang)

Mã đề: 124

Họ tên thí sinh:

Số báo danh:

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Anh A đến đại lý bán bảo hiểm để mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự xe cơ giới cho chiếc xe máy mà mình đang sử dụng. Anh A đã sử dụng loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Bảo hiểm thất nghiệp. B. Bảo hiểm thương mại.
C. Bảo hiểm xã hội. D. Bảo hiểm y tế.

Câu 2. Hoạt động dịch vụ tài chính thông qua đó người tham gia bảo hiểm đóng một khoản phí cho tổ chức bảo hiểm để được hưởng bồi thường hoặc chi trả bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm là nội dung của khái niệm nào sau đây?

- A. Bảo hiểm. B. Tài chính. C. Tín dụng. D. Bảo tức.

Câu 3. Sự hợp tác được kí kết giữa các quốc gia trong một khu vực trên cơ sở sự tương đồng về địa lí, văn hóa, xã hội hoặc có chung mục tiêu, lợi ích phát triển là cấp độ hội nhập kinh tế

- A. khu vực. B. toàn cầu. C. đa phương. D. song phương.

Câu 4. Ngày 25/12/2008, Việt Nam và Nhật Bản đã chính thức ký kết Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam - Nhật Bản, xét về cấp độ hợp tác đây là hình thức hợp tác

- A. toàn cầu. B. châu lục. C. song phương. D. khu vực.

Câu 5. Đối với mỗi quốc gia, phát triển kinh tế thể hiện ở nội dung nào dưới đây?

- A. Chuyển dịch việc phân phối. B. Chuyển dịch cơ cấu ngành.
C. Chuyển dịch vùng sản xuất. D. Chuyển đổi mô hình tiền tệ.

Câu 6. Yếu tố nào dưới đây là chỉ tiêu của phát triển kinh tế?

- A. Tăng trưởng dân số. B. Mức sống bình dân. C. Cơ cấu dòng tiền. D. Tiến bộ xã hội.

Câu 7. Tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững

- A. có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. B. triệt tiêu nhau.
C. cản trở nhau phát triển. D. độc lập với nhau.

Câu 8. Một quốc gia hợp tác với một quốc gia khác là hình thức hội nhập kinh tế

- A. toàn diện. B. song phương. C. toàn cầu. D. đa phương.

Câu 9. Chủ thể nào có quyền được hưởng trợ cấp thất nghiệp khi bị mất việc làm?

- A. Người sử dụng lao động. B. Người lao động và người sử dụng lao động.
C. Người lao động. D. Tổ chức bảo hiểm.

Câu 10. Loại hình bảo hiểm xã hội do Nhà nước tổ chức mà người tham gia được lựa chọn mức đóng, phương thức đóng phù hợp với mức thu nhập của mình và Nhà nước có chính sách hỗ trợ tiền đóng để người tham gia hưởng chế độ hưu trí và tử tuất là loại hình bảo hiểm nào?

- A. Bảo hiểm y tế tự nguyện. B. Bảo hiểm xã hội tự nguyện.
C. Bảo hiểm xã hội bắt buộc. D. Bảo hiểm y tế bắt buộc.

Câu 11. Quá trình liên kết, gắn kết giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới, cùng nhau thỏa thuận, cùng tham gia các tổ chức toàn cầu là hình thức hội nhập nào dưới đây?

- A. Hội nhập kinh tế toàn cầu. B. Hội nhập kinh tế khu vực.

C. Hội nhập kinh tế song phương.

D. Hội nhập kinh tế đa phương.

Câu 12. Ngày 28-7-1995, Việt Nam trở thành thành viên thứ bảy của ASEAN, đánh dấu bước đi đầu tiên của đất nước trong hành trình hội nhập khu vực và thế giới. Việc gia nhập ASEAN là biểu hiện của hình thức hội nhập kinh tế quốc tế nào dưới đây?

A. Song phương.

B. Toàn cầu.

C. Toàn quốc.

D. Khu vực.

Câu 13. Đối với các nước đang phát triển, việc tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sẽ mang lại lợi ích nào dưới đây?

A. Được chuyển lên thành nước lớn.

B. Lệ thuộc tài chính vào nước lớn.

C. Tận dụng được nguồn tài chính.

D. Mở mang thêm phạm vi lãnh thổ.

Câu 14. Theo quy định của pháp luật, người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nếu đủ điều kiện có thể được hưởng chế độ

A. trợ cấp lưu trú.

B. trợ cấp thai sản.

C. trợ cấp thất nghiệp.

D. trợ cấp đi lại.

Câu 15. Một quốc gia được coi là có sự phát triển về kinh tế khi cơ cấu ngành nông nghiệp giảm đi, cơ cấu ngành công nghiệp, dịch vụ có xu hướng

A. không đổi.

B. cân bằng.

C. giảm theo.

D. tăng lên.

Câu 16. Phát biểu nào sau đây là **sai** về tăng trưởng kinh tế?

A. Việt Nam và các quốc gia khác trong ASEAN đều có tăng trưởng kinh tế như nhau.

B. Tăng trưởng kinh tế được tính trong một thời kì nhất định.

C. Tổng thu nhập quốc dân là một trong những căn cứ đánh giá tăng trưởng kinh tế.

D. Tăng trưởng kinh tế là tăng lên về quy mô sản lượng của nền kinh tế.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 17, 18, 19

Tính chung thời kì thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm (2011 - 2020), tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt khoảng 5,9%/năm, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực. Quy mô GDP tăng gấp 2,4 lần, từ 116 tỉ USD năm 2010 lên 268,4 tỉ USD vào năm 2020. GDP bình quân đầu người tăng từ 1.331 USD năm 2010 lên khoảng 2.750 USD năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm nhanh, từ 14,2% năm 2010 xuống còn 7% năm 2015 (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015) và giảm từ 9,2% năm 2016 xuống dưới 3% vào năm 2020 (theo chuẩn nghèo đa chiều). Cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các huyện nghèo, xã nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tăng cường. Thực hiện nhiều giải pháp tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động.

Câu 17. Nội dung nào dưới đây thể hiện tăng trưởng kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện phát triển bền vững được đề cập trong thông tin trên?

A. Giảm tỷ lệ lạm phát, giá cả được kiểm soát.

B. Tốc độ tăng dân số phù hợp với.

C. Thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao.

D. Tạo việc làm và nâng cao thu nhập.

Câu 18. Yếu tố nào được đề cập trong thông tin trên là nhân tố quyết định việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế về mặt xã hội?

A. Tốc độ tăng lạm phát.

B. Tăng trưởng việc làm.

C. Tăng trưởng kinh tế.

D. Tăng trưởng dân số.

Câu 19. Nội dung nào dưới đây **không** phải là chỉ tiêu cơ bản để đánh giá sự tăng trưởng và phát triển kinh tế trong thông tin trên?

A. Tốc độ tăng GDP.

B. Thu nhập bình quân theo GDP.

C. Tốc độ tăng dân số.

D. Tỷ lệ hộ nghèo và thu nhập.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 20, 21

Kể từ khi chính thức gia nhập WTO, Việt Nam đã ghi nhận những thành tựu về phát triển kinh tế. Việt Nam trở thành nền kinh tế có độ mở cao, tới 200% GDP và cải thiện cán cân thương mại hàng hóa, chuyển từ nhập siêu sang xuất siêu trong giai đoạn 2016 - 2020. Đến năm 2020 nhiều hiệp định thương mại tự do song phương

và đa phương đã có hiệu lực, thúc đẩy hoạt động xuất khẩu hàng hóa của nước ta ngày càng mở rộng. Theo Tổng cục Thống kê, từ năm 2016 đến năm 2022, cán cân thương mại của Việt Nam luôn đạt thặng dư với mức xuất siêu tăng dần qua các năm. Năm 2022, cán cân thương mại xuất siêu đạt 12,4 tỷ USD, là năm thứ 7 liên tiếp cán cân thương mại hàng hóa ở mức thặng dư mặc dù gặp nhiều khó khăn sau ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh COVID-19. Trở thành một trong 20 nền thương mại lớn nhất thế giới.

Câu 20. Việc gia nhập WTO của Việt Nam là biểu hiện của hình thức hội nhập nào dưới đây?

- A. Hội nhập toàn diện.
- B. Hội nhập khu vực.
- C. Hội nhập song phương.
- D. Hội nhập toàn cầu.

Câu 21. Nội dung nào dưới đây thể hiện vai trò của hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam?

- A. Gia tăng sự lệ thuộc về chính trị.
- B. Dịch chuyển dòng ngoại tệ.
- C. Đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa.
- D. Tăng cường quốc phòng.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 22, 23, 24

Chia sẻ về việc quyết định tham gia BHXH tự nguyện, chị D cho biết, trước đây chị làm công nhân đã có 10 năm tham gia BHXH bắt buộc và sau khi nghỉ việc chị không còn được tham gia nữa. Nghỉ việc ở nhà, chị chuyển sang bán hàng ăn để mưu sinh hàng ngày. Công việc vất vả, thức khuya dậy sớm khiến sức khỏe chị ngày một yếu đi. Lúc này chị bắt đầu nghĩ tới và tham gia BHXH tự nguyện. Tính đến nay chị đã đóng được 5 năm, mỗi lần đều đóng theo quý, mỗi quý hơn 600 ngàn đồng. Không những tham gia BHXH tự nguyện, chị còn tham gia cả BHYT hộ gia đình. Nói về lợi ích của việc tham gia những loại hình bảo hiểm trên, chị D xúc động cho hay: Tôi cũng vừa mới mổ u được vài tháng. Đến khi bị bệnh tôi mới thấy sự hữu ích của những loại hình bảo hiểm này. Cứ hoàn cảnh như hiện nay, khi hết tuổi lao động mà không tham gia các loại hình bảo hiểm của nhà nước sẽ không biết lấy gì nuôi thân nếu như không có nguồn thu ổn định.

Câu 22. Thông tin trên cho biết chị D đã và đang tham gia các loại hình bảo hiểm xã hội nào dưới đây?

- A. Tự nguyện và bắt buộc.
- B. Tự nguyện và tài trợ.
- C. Bắt buộc và tài trợ.
- D. Thất nghiệp và tự nguyện.

Câu 23. Các loại hình bảo hiểm mà chị D tham gia có đặc điểm chung nào dưới đây?

- A. Bắt buộc đối với mọi công dân.
- B. Được hưởng ngay sau khi đóng phí.
- C. Do cá nhân triển khai.
- D. Do Nhà nước tổ chức.

Câu 24. Ngoài loại hình bảo hiểm xã hội, chị D còn tham gia loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Bảo hiểm thất nghiệp.
- B. Bảo hiểm dân sự.
- C. Bảo hiểm thương mại.
- D. Bảo hiểm y tế.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn thông tin sau:

Hội nhập kinh tế quốc tế đã góp phần thúc đẩy thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam. Thời kỳ 1995 - 2022, Việt Nam thu hút được 39.313 dự án với tổng vốn đăng ký 541.149,4 triệu USD, tổng vốn thực hiện 269.227,4 triệu USD (chiếm 49,75% tổng vốn đăng ký). Số dự án và vốn thực hiện hàng năm có xu hướng gia tăng trong thời kỳ này, tăng từ 415 dự án với vốn thực hiện là 7.925,2 triệu USD năm 1995 lên 2.169 dự án với vốn thực hiện là 22.396 triệu USD năm 2022. Vốn FDI vào Việt Nam chiếm 22,87% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, đóng góp 18,16% GDP và 54,82% kim ngạch xuất khẩu hàng hóa.

(Nguồn: Theo tạp chí nghiên cứu công nghiệp và thương nghiệp)

- a. Hội nhập kinh tế quốc tế đã tạo cơ hội cho nước ta tiếp cận và sử dụng nguồn lực tài chính cho sự phát triển của đất nước.
- b. Thông tin trên thể hiện Việt Nam là một đối tác tin cậy của các nước trên thế giới.
- c. Việc thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam càng nhiều càng khiến nước ta lệ thuộc kinh tế vào các nước trên thế giới.

d. Việc thu hút được nhiều vốn và dự án đầu tư sẽ khiến nền kinh tế Việt Nam bị lệ thuộc nguồn lực từ bên ngoài.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin sau:

Ngày 15/3/2022, anh T có tham gia hợp đồng bảo hiểm tại công ty bảo hiểm Manulife Việt Nam. Tháng 2/2023, anh T có xảy ra tai nạn và bị đơn vị Đội Cảnh sát giao thông phường B xử lý. Với việc mua bảo hiểm, tháng 3/2023 anh T được công ty bảo hiểm thanh toán bồi thường quyền lợi tai nạn theo đúng hợp đồng bảo hiểm sau khi nhận được yêu cầu bồi thường tai nạn từ anh T.

- a.** Bảo hiểm thương mại là một kênh huy động vốn rất quan trọng trong đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.
- b.** Anh T đã chuyển giao rủi ro của mình cho bên tổ chức bảo hiểm thông qua tham gia hợp đồng bảo hiểm.
- c.** Bảo hiểm anh T tham gia thuộc bảo hiểm thương mại.
- d.** Bảo hiểm thương mại mang yếu tố nhân đạo, hỗ trợ tài chính và tinh thần đối với người tham gia bảo hiểm.

Câu 3. Đọc đoạn thông tin sau:

Theo Tổng cục Thống kê công bố, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2023 đạt 5,05% và có xu hướng tăng dần theo thời gian, quý IV đạt 6,72%, cao nhất so với quý III, II và quý I (tương ứng đạt 5,47, 4,25% và 3,41%), cao hơn mức trung bình của thế giới và khu vực cũng như nhiều nước trong giai đoạn tăng trưởng nhanh.

- a.** Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 sẽ tỉ lệ thuận với mức thu nhập và đời sống của người dân.
- b.** Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 cho thấy Việt Nam là quốc gia có mức sống cao.
- c.** Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 là căn cứ để so sánh với sự tăng trưởng kinh tế của năm 2024.
- d.** Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 đạt mức cao nhất so với các năm trước đó.

Câu 4. Đọc đoạn thông tin sau:

Về kinh tế, từng bước thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển năng lượng sạch; thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững. Tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 đạt trung bình 7%/năm, nâng mức thu nhập bình quân đầu người hằng năm tính theo GDP tăng lên 3.200 - 3.500 USD (so với mức 2.100 USD năm 2015). Lạm phát giữ ở mức dưới 5%. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; năm 2014 đã có 1,4 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội, trên 8,5 triệu người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, trên 72% dân số tham gia bảo hiểm y tế. Đời sống nhân dân được cải thiện. Thu nhập bình quân đầu người đạt 2.052 USD/người (2014). Tuổi thọ trung bình đạt 73,5 tuổi (2015). Hoàn thành nhiều mục tiêu Thiên niên kỷ.

- a.** Thu nhập theo đầu người từ 3.500 USD giảm xuống còn 2.052 USD phản ánh sự phát triển kinh tế theo chiều hướng đi xuống.
- b.** Tuổi thọ trung bình của người dân Việt Nam không ngừng tăng là kết quả của việc thực hiện tăng trưởng kinh tế cao.
- c.** Kết quả tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 đạt trung bình 7%/năm tạo tiền đề vật chất thúc đẩy các chỉ tiêu về phát triển kinh tế.
- d.** Với 72% dân số tham gia bảo hiểm y tế là thể hiện các chỉ tiêu về tiến bộ xã hội khi nước ta phát triển kinh tế.

---HẾT---

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC
(Đề kiểm tra gồm 04 trang)

Môn: GDKT&PL - Ngày kiểm tra: /10/2024

Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

Mã đề: 125

Họ tên thí sinh:

Số báo danh:

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Sự hợp tác được kí kết giữa các quốc gia trong một khu vực trên cơ sở sự tương đồng về địa lí, văn hóa, xã hội hoặc có chung mục tiêu, lợi ích phát triển là cấp độ hội nhập kinh tế

- A. đa phương. B. toàn cầu. C. khu vực. D. song phương.

Câu 2. Bảo hiểm nào chỉ có hình thức bắt buộc, không có hình thức tự nguyện?

- A. Bảo hiểm y tế. B. Bảo hiểm xã hội.
C. Bảo hiểm thất nghiệp. D. Bảo hiểm thương mại.

Câu 3. Ngày 25/12/2008, Việt Nam và Nhật Bản đã chính thức ký kết Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam - Nhật Bản, xét về cấp độ hợp tác đây là hình thức hợp tác

- A. song phương. B. khu vực. C. châu lục. D. toàn cầu.

Câu 4. Hội nhập kinh tế quốc tế được thực hiện theo các cấp độ nào dưới đây?

- A. Song phương, khu vực, toàn cầu. B. Thỏa thuận, liên minh, hợp tác.
C. Song phương, đa phương, toàn diện. D. Thỏa thuận, liên kết, hoà nhập.

Câu 5. Tăng trưởng kinh tế là trong thời kì nhất định nền kinh tế

- A. tăng lên về quy mô, sản lượng. B. giảm về quy mô, sản lượng.
C. giá cả hàng hóa tăng nhanh. D. đảm bảo chỉ tiêu năm trước.

Câu 6. Sự hợp tác giữa hai quốc gia, dựa trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng độc lập và chủ quyền của nhau và tuân thủ các chuẩn mực quốc tế chung nhằm thiết lập và phát triển quan hệ kinh tế thương mại giữa các bên là hình thức hội nhập kinh tế.

- A. song phương. B. quốc tế. C. toàn cầu. D. đa phương.

Câu 7. Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện vai trò của bảo hiểm đối với sự phát triển kinh tế - xã hội?

- A. Mở rộng hội nhập quốc tế. B. Gia tăng tỷ lệ lạm phát.
C. Tăng thu ngân sách nhà nước. D. Tạo ra nhiều việc làm mới.

Câu 8. Hội nhập kinh tế khu vực **không** được thực hiện giữa các quốc gia có đặc điểm nào dưới đây?

- A. Có sự phù hợp về văn hóa. B. Cùng chung mục tiêu.
C. Tương đồng về địa lý. D. Đang chiến tranh với nhau.

Câu 9. Quá trình liên kết, gắn kết giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới, cùng nhau thỏa thuận, cùng tham gia các tổ chức toàn cầu là hình thức hội nhập nào dưới đây?

- A. Hội nhập kinh tế khu vực. B. Hội nhập kinh tế toàn cầu.
C. Hội nhập kinh tế đa phương. D. Hội nhập kinh tế song phương.

Câu 10. Tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững

- A. có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. B. triệt tiêu nhau.
C. độc lập với nhau. D. cản trở nhau phát triển.

Câu 11. Cụm từ GDP/người là một trong những chỉ tiêu thể hiện tốc độ tăng trưởng kinh tế nó thể hiện nội dung nào dưới đây?

- A. Tổng sản phẩm quốc dân theo đầu người. B. Tổng sản phẩm quốc dân.

C. Tổng sản phẩm quốc nội theo đầu người.

D. Tổng sản phẩm quốc nội.

Câu 12. Chủ thể nào có quyền được hưởng trợ cấp thất nghiệp khi bị mất việc làm?

A. Tổ chức bảo hiểm.

B. Người lao động.

C. Người sử dụng lao động.

D. Người lao động và người sử dụng lao động.

Câu 13. Loại hình bảo hiểm xã hội do Nhà nước tổ chức mà người tham gia được lựa chọn mức đóng, phương thức đóng phù hợp với mức thu nhập của mình và Nhà nước có chính sách hỗ trợ tiền đóng để người tham gia hưởng chế độ hưu trí và tử tuất là loại hình bảo hiểm nào?

A. Bảo hiểm y tế bắt buộc.

B. Bảo hiểm xã hội tự nguyện.

C. Bảo hiểm y tế tự nguyện.

D. Bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Câu 14. Hoạt động dịch vụ tài chính thông qua đó người tham gia bảo hiểm đóng một khoản phí cho tổ chức bảo hiểm để được hưởng bồi thường hoặc chi trả bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm là nội dung của khái niệm nào sau đây?

A. Bảo hiểm.

B. Bảo tức.

C. Tài chính.

D. Tín dụng.

Câu 15. Tăng trưởng, phát triển kinh tế là điều kiện tiên quyết để nước ta

A. tài trợ hoạt động từ thiện.

B. đa dạng nền kinh tế.

C. khắc phục tình trạng tụt hậu.

D. tìm kiếm thị trường.

Câu 16. Hành vi nào dưới đây kìm hãm sự tăng trưởng, phát triển kinh tế đất nước?

A. Tạo việc làm cho người lao động.

B. Tìm kiếm thị trường tiêu thụ.

C. Đóng thuế theo quy định.

D. Sản xuất hàng giả, hàng nhái.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 17, 18, 19

Tính chung thời kì thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm (2011 - 2020), tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt khoảng 5,9%/năm, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực. Quy mô GDP tăng gấp 2,4 lần, từ 116 tỉ USD năm 2010 lên 268,4 tỉ USD vào năm 2020. GDP bình quân đầu người tăng từ 1.331 USD năm 2010 lên khoảng 2.750 USD năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm nhanh, từ 14,2% năm 2010 xuống còn 7% năm 2015 (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015) và giảm từ 9,2% năm 2016 xuống dưới 3% vào năm 2020 (theo chuẩn nghèo đa chiều). Cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các huyện nghèo, xã nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tăng cường. Thực hiện nhiều giải pháp tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động.

Câu 17. Yếu tố nào được đề cập trong thông tin trên là nhân tố quyết định việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế về mặt xã hội?

A. Tốc độ tăng lạm phát.

B. Tăng trưởng việc làm.

C. Tăng trưởng kinh tế.

D. Tăng trưởng dân số.

Câu 18. Nội dung nào dưới đây **không** phải là chỉ tiêu cơ bản để đánh giá sự tăng trưởng và phát triển kinh tế trong thông tin trên?

A. Tốc độ tăng dân số.

B. Thu nhập bình quân theo GDP.

C. Tỷ lệ hộ nghèo và thu nhập.

D. Tốc độ tăng GDP.

Câu 19. Nội dung nào dưới đây thể hiện tăng trưởng kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện phát triển bền vững được đề cập trong thông tin trên?

A. Thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao.

B. Tạo việc làm và nâng cao thu nhập.

C. Giảm tỷ lệ lạm phát, giá cả được kiểm soát.

D. Tốc độ tăng dân số phù hợp với.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 20, 21

Diễn đàn hợp tác kinh tế là hình thức hội nhập kinh tế quốc tế ra đời vào thập niên 80 thế kỷ XX, ví dụ: Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) và Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM). Các quốc gia tham gia diễn đàn hợp tác kinh tế không có những cam kết mang tính ràng buộc thực hiện, mà chủ yếu mang tính định hướng, khuyến nghị hành động đối với các quốc gia thành viên. Những nguyên tắc được xây

dựng giữa các quốc gia tham gia diễn đàn là linh hoạt và tự nguyện để thực hiện tự do hoá và thuận lợi hoá thương mại, đầu tư. Tuy vậy, ngày nay, diễn đàn hợp tác kinh tế cũng có vai trò khá quan trọng trong định hướng phát triển kinh tế, thương mại cũng như giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội cùng quan tâm của các quốc gia trong một khu vực, duy trì, thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế, nhất là trong thời điểm xuất hiện những xu thế chống lại toàn cầu hóa gia tăng bảo hộ trong nước.

Câu 20. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) và Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM), là biểu hiện của hình thức hợp tác kinh tế quốc tế nào dưới đây?

- A. Hợp tác song phương.
- B. Hợp tác khu vực.
- C. Hợp tác quốc tế.
- D. Hợp tác toàn cầu.

Câu 21. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) và Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM), là những diễn đàn đi sâu giải quyết các vấn đề nào dưới đây?

- A. Kinh tế - thương mại.
- B. Kinh tế - quốc phòng.
- C. Ngoại giao - quốc phòng.
- D. Chính trị - quân sự.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 22, 23, 24

Năm 2013 bà Nguyễn Thị A giao kết hợp đồng lao động có thời hạn 24 tháng với trường tiểu học E với mức lương như sau. Tuy nhiên, từ ngày 01/1/2015 đến ngày 30/6/2015, bà A nghỉ hưởng chế độ thai sản. Sau đó, do điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động vì vậy bà A đã làm đơn xin nghỉ việc theo quy định của pháp luật lao động và ngày 01/7/2015 trường tiểu học E ban hành quyết định nghỉ việc cho bà A, quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Câu 22. Theo quy định của pháp luật, sau thời gian bà A được trường tiểu học E ban hành quyết định nghỉ việc, nếu không đi làm tiếp, bà A có thể tiếp tục tham gia loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Bảo hiểm xã hội bắt buộc.
- B. Bảo hiểm xã hội tự nguyện.
- C. Bảo hiểm thất nghiệp.
- D. Bảo hiểm xã hội thai sản.

Câu 23. Theo quy định của pháp luật, sau thời gian bà A được trường tiểu học E ban hành quyết định nghỉ việc, bà A có quyền được hưởng loại bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Trợ cấp tai nạn.
- B. Trợ cấp thai sản.
- C. Bảo hiểm dân sự.
- D. Bảo hiểm thất nghiệp.

Câu 24. Theo quy định của pháp luật, trong thời gian nghỉ chế độ thai sản bà A được hưởng chế độ bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Chế độ thai sản.
- B. Trợ cấp nghề nghiệp.
- C. Bảo hiểm thất nghiệp.
- D. Chế độ hưu trí.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn thông tin sau:

Theo Tổng cục Thống kê công bố, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2023 đạt 5,05% và có xu hướng tăng dần theo thời gian, quý IV đạt 6,72%, cao nhất so với quý III, II và quý 1 (trung ứng đạt 5,47, 4,25% và 3,41%), cao hơn mức trung bình của thế giới và khu vực cũng như nhiều nước trong giai đoạn tăng trưởng nhanh.

- a. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 cho thấy Việt Nam là quốc gia có mức sống cao.
- b. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 là căn cứ để so sánh với sự tăng trưởng kinh tế của năm 2024.
- c. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 sẽ tỉ lệ thuận với mức thu nhập và đời sống của người dân.
- d. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 đạt mức cao nhất so với các năm trước đó.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin sau:

Về kinh tế, từng bước thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển năng lượng sạch; thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững. Tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 đạt trung bình 7%/năm, nâng mức thu nhập bình quân đầu người hằng năm tính theo GDP tăng lên 3.200 - 3.500 USD (so với mức 2.100 USD năm 2015). Lạm phát giữ ở mức dưới 5%. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; năm 2014 đã có 1,4 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội, trên 8,5 triệu người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, trên 72% dân số tham gia bảo hiểm y tế. Đời sống nhân dân được cải thiện. Thu nhập bình quân đầu người đạt 2.052 USD/người (2014). Tuổi thọ trung bình đạt 73,5 tuổi (2015). Hoàn thành nhiều mục tiêu Thiên niên kỷ.

a. Thu nhập theo đầu người từ 3.500 USD giảm xuống còn 2.052 USD phản ánh sự phát triển kinh tế theo chiều hướng đi xuống.

b. Với 72% dân số tham gia bảo hiểm y tế là thể hiện các chỉ tiêu về tiến bộ xã hội khi nước ta phát triển kinh tế.

c. Kết quả tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 đạt trung bình 7%/năm tạo tiền đề vật chất thúc đẩy các chỉ tiêu về phát triển kinh tế.

d. Tuổi thọ trung bình của người dân Việt Nam không ngừng tăng là kết quả của việc thực hiện tăng trưởng kinh tế cao.

Câu 3. Đọc đoạn thông tin sau:

Đại hội lần thứ IX của Đảng đã đề ra chủ trương “chủ động hội nhập kinh tế quốc tế”; ngày 27/11/2001, Bộ Chính trị khóa IX đã ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TW “Về hội nhập kinh tế quốc tế”. Đại hội lần thứ X của Đảng khẳng định chủ trương “chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực khác”; ngày 05/02/2007, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW “Về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới”.

(Nguồn: Theo Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế)

a. Mở rộng hợp tác quốc tế sẽ khiến Việt Nam bị lệ thuộc vào các quốc gia khác.

b. Hội nhập kinh tế quốc tế phải gắn liền với mục tiêu phát triển bền vững.

c. Việc hội nhập kinh tế quốc tế chỉ cần chú trọng lĩnh vực kinh tế.

d. Thông tin trên thể hiện chủ trương và quyết tâm của Đảng ta về hội nhập kinh tế quốc tế.

Câu 4. Đọc đoạn thông tin sau:

Ông N từng tham gia đóng BHXH bắt buộc, sau đó ông nghỉ tham gia Hội Nông dân thị trấn khi mới đóng được 15 năm, chưa đủ điều kiện về số năm đóng BHXH để có chế độ hưu trí (tối thiểu 20 năm). Cuối năm 2022, ông quyết định tham gia BHXH tự nguyện, nhờ sự kiên trì theo đuổi đóng đủ số năm quy định, giờ đây ông N chính thức được nhận lương hưu. Ông chia sẻ: “Sau khi được tư vấn cán bộ BHXH huyện, trường hợp của tôi có 2 phương án lựa chọn, 1 là hưởng BHXH 01 lần, hai là đóng 1 lần BHXH tự nguyện những năm còn thiếu. Sau khi nghe cán bộ BHXH phân tích, tôi suy nghĩ và bàn bạc với gia đình, tôi quyết định đóng BHXH tự nguyện một lần cho những năm còn thiếu. Sau khi hoàn thành thủ tục đóng tiền, ít ngày sau tôi nhận tháng lương hưu đầu tiên với số tiền hơn 1,8 triệu đồng. Với khoản lương hưu này giúp tôi có thêm khoản thu nhập để lo cuộc sống hàng ngày. Ngoài ra, tôi còn được cấp thẻ BHYT chăm sóc sức khỏe trọn đời”.

a. Tham gia bảo hiểm đã giúp ông N được bảo vệ sức khỏe và yên tâm về tài chính khi về già.

b. Ông N chỉ được hưởng chế độ hưu trí và thẻ bảo hiểm y tế để khám bệnh.

c. Ông N đã cao tuổi nên nếu rút bảo hiểm xã hội một lần sẽ lợi hơn khi đóng tiếp để hưởng hưu trí.

d. Công dân cứ đóng đủ số năm tham gia bảo hiểm xã hội là sẽ được nhận chế độ hưu trí.

---HẾT---

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC
(Đề kiểm tra gồm 04 trang)

Môn: GDKT&PL - Ngày kiểm tra: .../10/2024

Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

Mã đề: 126

Họ tên thí sinh:

Số báo danh:

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Đối với mỗi quốc gia, phát triển kinh tế thể hiện ở nội dung nào dưới đây?

- A. Chuyển dịch việc phân phối. B. Chuyển dịch cơ cấu ngành.
C. Chuyển dịch vùng sản xuất. D. Chuyển đổi mô hình tiền tệ.

Câu 2. Tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững

- A. triệt tiêu nhau. B. cản trở nhau phát triển.
C. có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. D. độc lập với nhau.

Câu 3. Hoạt động dịch vụ tài chính thông qua đó người tham gia bảo hiểm đóng một khoản phí cho tổ chức bảo hiểm để được hưởng bồi thường hoặc chi trả bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm là nội dung của khái niệm nào sau đây?

- A. Bảo tức. B. Bảo hiểm. C. Tài chính. D. Tín dụng.

Câu 4. Yếu tố nào dưới đây là chỉ tiêu của phát triển kinh tế?

- A. Tăng trưởng dân số. B. Tiến bộ xã hội.
C. Cơ cấu dòng tiền. D. Mức sống bình dân.

Câu 5. Đối với các nước đang phát triển, việc tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sẽ mang lại lợi ích nào dưới đây?

- A. Được chuyển lên thành nước lớn. B. Tận dụng được nguồn tài chính.
C. Mở mang thêm phạm vi lãnh thổ. D. Lệ thuộc tài chính vào nước lớn.

Câu 6. Chủ thể nào có quyền được hưởng trợ cấp thất nghiệp khi bị mất việc làm?

- A. Người lao động. B. Tổ chức bảo hiểm.
C. Người lao động và người sử dụng lao động. D. Người sử dụng lao động.

Câu 7. Anh A đến đại lý bán bảo hiểm để mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự xe cơ giới cho chiếc xe máy mà mình đang sử dụng. Anh A đã sử dụng loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Bảo hiểm thất nghiệp. B. Bảo hiểm xã hội.
C. Bảo hiểm thương mại. D. Bảo hiểm y tế.

Câu 8. Phát biểu nào sau đây là **sai** về tăng trưởng kinh tế?

- A. Tăng trưởng kinh tế được tính trong một thời kì nhất định.
B. Tăng trưởng kinh tế là tăng lên về quy mô sản lượng của nền kinh tế.
C. Việt Nam và các quốc gia khác trong ASEAN đều có tăng trưởng kinh tế như nhau.
D. Tổng thu nhập quốc dân là một trong những căn cứ đánh giá tăng trưởng kinh tế.

Câu 9. Loại hình bảo hiểm xã hội do Nhà nước tổ chức mà người tham gia được lựa chọn mức đóng, phương thức đóng phù hợp với mức thu nhập của mình và Nhà nước có chính sách hỗ trợ tiền đóng để người tham gia hưởng chế độ hưu trí và tử tuất là loại hình bảo hiểm nào?

- A. Bảo hiểm y tế bắt buộc. B. Bảo hiểm xã hội tự nguyện.
C. Bảo hiểm xã hội bắt buộc. D. Bảo hiểm y tế tự nguyện.

Câu 10. Ngày 28-7-1995, Việt Nam trở thành thành viên thứ bảy của ASEAN, đánh dấu bước đi đầu tiên của

đất nước trong hành trình hội nhập khu vực và thế giới. Việc gia nhập ASEAN là biểu hiện của hình thức hội nhập kinh tế quốc tế nào dưới đây?

- A. Khu vực. B. Toàn quốc. C. Toàn cầu. D. Song phương.

Câu 11. Ngày 25/12/2008, Việt Nam và Nhật Bản đã chính thức ký kết Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam - Nhật Bản, xét về cấp độ hợp tác đây là hình thức hợp tác

- A. song phương. B. khu vực. C. toàn cầu. D. châu lục.

Câu 12. Quá trình liên kết, gắn kết giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới, cùng nhau thỏa thuận, cùng tham gia các tổ chức toàn cầu là hình thức hội nhập nào dưới đây?

- A. Hội nhập kinh tế song phương. B. Hội nhập kinh tế khu vực.
C. Hội nhập kinh tế toàn cầu. D. Hội nhập kinh tế đa phương.

Câu 13. Theo quy định của pháp luật, người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nếu đủ điều kiện có thể được hưởng chế độ

- A. trợ cấp thất nghiệp. B. trợ cấp đi lại. C. trợ cấp thai sản. D. trợ cấp lưu trú.

Câu 14. Một quốc gia hợp tác với một quốc gia khác là hình thức hội nhập kinh tế

- A. song phương. B. đa phương. C. toàn cầu. D. toàn diện.

Câu 15. Sự hợp tác được kí kết giữa các quốc gia trong một khu vực trên cơ sở sự tương đồng về địa lí, văn hóa, xã hội hoặc có chung mục tiêu, lợi ích phát triển là cấp độ hội nhập kinh tế

- A. toàn cầu. B. song phương. C. khu vực. D. đa phương.

Câu 16. Một quốc gia được coi là có sự phát triển về kinh tế khi cơ cấu ngành nông nghiệp giảm đi, cơ cấu ngành công nghiệp, dịch vụ có xu hướng

- A. giảm theo. B. tăng lên. C. cân bằng. D. không đổi.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 17, 18, 19

Tính chung thời kì thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm (2011 - 2020), tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt khoảng 5,9%/năm, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực. Quy mô GDP tăng gấp 2,4 lần, từ 116 tỉ USD năm 2010 lên 268,4 tỉ USD vào năm 2020. GDP bình quân đầu người tăng từ 1.331 USD năm 2010 lên khoảng 2.750 USD năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm nhanh, từ 14,2% năm 2010 xuống còn 7% năm 2015 (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015) và giảm từ 9,2% năm 2016 xuống dưới 3% vào năm 2020 (theo chuẩn nghèo đa chiều). Cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các huyện nghèo, xã nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tăng cường. Thực hiện nhiều giải pháp tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động.

Câu 17. Yếu tố nào được đề cập trong thông tin trên là nhân tố quyết định việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế về mặt xã hội?

- A. Tăng trưởng kinh tế. B. Tốc độ tăng lạm phát.
C. Tăng trưởng việc làm. D. Tăng trưởng dân số.

Câu 18. Nội dung nào dưới đây thể hiện tăng trưởng kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện phát triển bền vững được đề cập trong thông tin trên?

- A. Tạo việc làm và nâng cao thu nhập. B. Tốc độ tăng dân số phù hợp với.
C. Thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao. D. Giảm tỷ lệ lạm phát, giá cả được kiểm soát.

Câu 19. Nội dung nào dưới đây **không** phải là chỉ tiêu cơ bản để đánh giá sự tăng trưởng và phát triển kinh tế trong thông tin trên?

- A. Tốc độ tăng GDP. B. Thu nhập bình quân theo GDP.
C. Tỷ lệ hộ nghèo và thu nhập. D. Tốc độ tăng dân số.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 20, 21

Kể từ khi chính thức gia nhập WTO, Việt Nam đã ghi nhận những thành tựu về phát triển kinh tế. Việt Nam trở thành nền kinh tế có độ mở cao, tới 200% GDP và cải thiện cán cân thương mại hàng hóa, chuyển từ nhập

siêu sang xuất siêu trong giai đoạn 2016 - 2020. Đến năm 2020 nhiều hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương đã có hiệu lực, thúc đẩy hoạt động xuất khẩu hàng hóa của nước ta ngày càng mở rộng. Theo Tổng cục Thống kê, từ năm 2016 đến năm 2022, cán cân thương mại của Việt Nam luôn đạt thặng dư với mức xuất siêu tăng dần qua các năm. Năm 2022, cán cân thương mại xuất siêu đạt 12,4 tỷ USD, là năm thứ 7 liên tiếp cán cân thương mại hàng hóa ở mức thặng dư mặc dù gặp nhiều khó khăn sau ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh COVID-19. Trở thành một trong 20 nền thương mại lớn nhất thế giới.

Câu 20. Việc gia nhập WTO của Việt Nam là biểu hiện của hình thức hội nhập nào dưới đây?

- A. Hội nhập khu vực.
- B. Hội nhập toàn cầu.
- C. Hội nhập toàn diện.
- D. Hội nhập song phương.

Câu 21. Nội dung nào dưới đây thể hiện vai trò của hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam?

- A. Dịch chuyển dòng ngoại tệ.
- B. Tăng cường quốc phòng.
- C. Đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa.
- D. Gia tăng sự lệ thuộc về chính trị.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 22, 23, 24

Chia sẻ về việc quyết định tham gia BHXH tự nguyện, chị D cho biết, trước đây chị làm công nhân đã có 10 năm tham gia BHXH bắt buộc và sau khi nghỉ việc chị không còn được tham gia nữa. Nghỉ việc ở nhà, chị chuyển sang bán hàng ăn để mưu sinh hàng ngày. Công việc vất vả, thức khuya dậy sớm khiến sức khỏe chị ngày một yếu đi. Lúc này chị bắt đầu nghĩ tới và tham gia BHXH tự nguyện. Tính đến nay chị đã đóng được 5 năm, mỗi lần đều đóng theo quý, mỗi quý hơn 600 ngàn đồng. Không những tham gia BHXH tự nguyện, chị còn tham gia cả BHYT hộ gia đình. Nói về lợi ích của việc tham gia những loại hình bảo hiểm trên, chị D xúc động cho hay: Tôi cũng vừa mới mổ u được vài tháng. Đến khi bị bệnh tôi mới thấy sự hữu ích của những loại hình bảo hiểm này. Cứ hoàn cảnh như hiện nay, khi hết tuổi lao động mà không tham gia các loại hình bảo hiểm của nhà nước sẽ không biết lấy gì nuôi thân nếu như không có nguồn thu ổn định.

Câu 22. Ngoài loại hình bảo hiểm xã hội, chị D còn tham gia loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Bảo hiểm dân sự.
- B. Bảo hiểm thất nghiệp.
- C. Bảo hiểm thương mại.
- D. Bảo hiểm y tế.

Câu 23. Thông tin trên cho biết chị D đã và đang tham gia các loại hình bảo hiểm xã hội nào dưới đây?

- A. Tự nguyện và tài trợ.
- B. Bắt buộc và tài trợ.
- C. Thất nghiệp và tự nguyện.
- D. Tự nguyện và bắt buộc.

Câu 24. Các loại hình bảo hiểm mà chị D tham gia có đặc điểm chung nào dưới đây?

- A. Được hưởng ngay sau khi đóng phí.
- B. Do cá nhân triển khai.
- C. Do Nhà nước tổ chức.
- D. Bắt buộc đối với mọi công dân.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn thông tin sau:

Về kinh tế, từng bước thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển năng lượng sạch; thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững. Tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 đạt trung bình 7%/năm, nâng mức thu nhập bình quân đầu người hằng năm tính theo GDP tăng lên 3.200 - 3.500 USD (so với mức 2.100 USD năm 2015). Lạm phát giữ ở mức dưới 5%. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; năm 2014 đã có 1,4 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội, trên 8,5 triệu người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, trên 72% dân số tham gia bảo hiểm y tế. Đời sống nhân dân được cải thiện. Thu nhập bình quân đầu người đạt 2.052 USD/người (2014). Tuổi thọ trung bình đạt 73,5 tuổi (2015). Hoàn thành nhiều mục tiêu Thiên niên kỷ.

a. Thu nhập theo đầu người từ 3.500 USD giảm xuống còn 2052 USD phản ánh sự phát triển kinh tế theo chiều hướng đi xuống.

b. Kết quả tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 đạt trung bình 7%/năm tạo tiền đề vật chất thúc đẩy các chỉ tiêu về phát triển kinh tế.

c. Với 72% dân số tham gia bảo hiểm y tế là thể hiện các chỉ tiêu về tiến bộ xã hội khi nước ta phát triển kinh tế.

d. Tuổi thọ trung bình của người dân Việt Nam không ngừng tăng là kết quả của việc thực hiện tăng trưởng kinh tế cao.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin sau:

Ngày 15/3/2022, anh T có tham gia hợp đồng bảo hiểm tại công ty bảo hiểm Manulife Việt Nam. Tháng 2/2023, anh T có xảy ra tai nạn và bị đơn vị Đội Cảnh sát giao thông phường B xử lý. Với việc mua bảo hiểm, tháng 3/2023 anh T được công ty bảo hiểm thanh toán bồi thường quyền lợi tai nạn theo đúng hợp đồng bảo hiểm sau khi nhận được yêu cầu bồi thường tai nạn từ anh T.

- a. Bảo hiểm anh T tham gia thuộc bảo hiểm thương mại.
- b. Bảo hiểm thương mại là một kênh huy động vốn rất quan trọng trong đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.
- c. Anh T đã chuyển giao rủi ro của mình cho bên tổ chức bảo hiểm thông qua tham gia hợp đồng bảo hiểm.
- d. Bảo hiểm thương mại mang yếu tố nhân đạo, hỗ trợ tài chính và tinh thần đối với người tham gia bảo hiểm.

Câu 3. Đọc đoạn thông tin sau:

Hội nhập kinh tế quốc tế đã góp phần thúc đẩy thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam. Thời kỳ 1995 - 2022, Việt Nam thu hút được 39.313 dự án với tổng vốn đăng ký 541.149,4 triệu USD, tổng vốn thực hiện 269.227,4 triệu USD (chiếm 49,75% tổng vốn đăng ký). Số dự án và vốn thực hiện hàng năm có xu hướng gia tăng trong thời kỳ này, tăng từ 415 dự án với vốn thực hiện là 7.925,2 triệu USD năm 1995 lên 2.169 dự án với vốn thực hiện là 22.396 triệu USD năm 2022. Vốn FDI vào Việt Nam chiếm 22,87% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, đóng góp 18,16% GDP và 54,82% kim ngạch xuất khẩu hàng hóa.

(Nguồn: Theo tạp chí nghiên cứu công nghiệp và thương nghiệp)

- a. Hội nhập kinh tế quốc tế đã tạo cơ hội cho nước ta tiếp cận và sử dụng nguồn lực tài chính cho sự phát triển của đất nước.
- b. Việc thu hút được nhiều vốn và dự án đầu tư sẽ khiến nền kinh tế Việt Nam bị lệ thuộc nguồn lực từ bên ngoài.
- c. Thông tin trên thể hiện Việt Nam là một đối tác tin cậy của các nước trên thế giới.
- d. Việc thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam càng nhiều càng khiến nước ta lệ thuộc kinh tế vào các nước trên thế giới.

Câu 4. Đọc đoạn thông tin sau:

Theo Tổng cục Thống kê công bố, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2023 đạt 5,05% và có xu hướng tăng dần theo thời gian, quý IV đạt 6,72%, cao nhất so với quý III, II và quý I (tương ứng đạt 5,47, 4,25% và 3,41%), cao hơn mức trung bình của thế giới và khu vực cũng như nhiều nước trong giai đoạn tăng trưởng nhanh.

- a. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 sẽ tỉ lệ thuận với mức thu nhập và đời sống của người dân.
- b. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 cho thấy Việt Nam là quốc gia có mức sống cao.
- c. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 là căn cứ để so sánh với sự tăng trưởng kinh tế của năm 2024.
- d. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 đạt mức cao nhất so với các năm trước đó.

----HẾT----

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC

(Đề kiểm tra gồm 04 trang)

Mã đề: 127

Họ tên thí sinh:

Số báo danh:

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Cụm từ GDP/người là một trong những chỉ tiêu thể hiện tốc độ tăng trưởng kinh tế nó thể hiện nội dung nào dưới đây?

- A. Tổng sản phẩm quốc nội. B. Tổng sản phẩm quốc nội theo đầu người.
C. Tổng sản phẩm quốc dân. D. Tổng sản phẩm quốc dân theo đầu người.

Câu 2. Bảo hiểm nào chỉ có hình thức bắt buộc, không có hình thức tự nguyện?

- A. Bảo hiểm xã hội. B. Bảo hiểm thương mại.
C. Bảo hiểm thất nghiệp. D. Bảo hiểm y tế.

Câu 3. Tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững

- A. cản trở nhau phát triển. B. độc lập với nhau.
C. triệt tiêu nhau. D. có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

Câu 4. Quá trình liên kết, gắn kết giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới, cùng nhau thỏa thuận, cùng tham gia các tổ chức toàn cầu là hình thức hội nhập nào dưới đây?

- A. Hội nhập kinh tế đa phương. B. Hội nhập kinh tế song phương.
C. Hội nhập kinh tế toàn cầu. D. Hội nhập kinh tế khu vực.

Câu 5. Ngày 25/12/2008, Việt Nam và Nhật Bản đã chính thức ký kết Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam - Nhật Bản, xét về cấp độ hợp tác đây là hình thức hợp tác

- A. khu vực. B. song phương. C. toàn cầu. D. châu lục.

Câu 6. Tăng trưởng kinh tế là trong thời kì nhất định nền kinh tế

- A. giảm về quy mô, sản lượng. B. giá cả hàng hóa tăng nhanh.
C. tăng lên về quy mô, sản lượng. D. đảm bảo chỉ tiêu năm trước.

Câu 7. Sự hợp tác được kí kết giữa các quốc gia trong một khu vực trên cơ sở sự tương đồng về địa lí, văn hóa, xã hội hoặc có chung mục tiêu, lợi ích phát triển là cấp độ hội nhập kinh tế

- A. đa phương. B. toàn cầu. C. khu vực. D. song phương.

Câu 8. Hội nhập kinh tế quốc tế được thực hiện theo các cấp độ nào dưới đây?

- A. Song phương, khu vực, toàn cầu. B. Thỏa thuận, liên minh, hợp tác.
C. Song phương, đa phương, toàn diện. D. Thỏa thuận, liên kết, hoà nhập.

Câu 9. Hoạt động dịch vụ tài chính thông qua đó người tham gia bảo hiểm đóng một khoản phí cho tổ chức bảo hiểm để được hưởng bồi thường hoặc chi trả bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm là nội dung của khái niệm nào sau đây?

- A. Bảo hiểm. B. Tài chính. C. Bảo tức. D. Tín dụng.

Câu 10. Hành vi nào dưới đây kìm hãm sự tăng trưởng, phát triển kinh tế đất nước?

- A. Đóng thuế theo quy định. B. Tạo việc làm cho người lao động.
C. Sản xuất hàng giả, hàng nhái. D. Tìm kiếm thị trường tiêu thụ.

Câu 11. Tăng trưởng, phát triển kinh tế là điều kiện tiên quyết để nước ta

- A. khắc phục tình trạng tụt hậu. B. tìm kiếm thị trường.

C. tài trợ hoạt động từ thiện.

D. đa dạng nền kinh tế.

Câu 12. Chủ thể nào có quyền được hưởng trợ cấp thất nghiệp khi bị mất việc làm?

A. Tổ chức bảo hiểm.

B. Người lao động.

C. Người lao động và người sử dụng lao động.

D. Người sử dụng lao động.

Câu 13. Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện vai trò của bảo hiểm đối với sự phát triển kinh tế - xã hội?

A. Gia tăng tỷ lệ lạm phát.

B. Tạo ra nhiều việc làm mới.

C. Tăng thu ngân sách nhà nước.

D. Mở rộng hội nhập quốc tế.

Câu 14. Sự hợp tác giữa hai quốc gia, dựa trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng độc lập và chủ quyền của nhau và tuân thủ các chuẩn mực quốc tế chung nhằm thiết lập và phát triển quan hệ kinh tế thương mại giữa các bên là hình thức hội nhập kinh tế.

A. quốc tế.

B. đa phương.

C. song phương.

D. toàn cầu.

Câu 15. Hội nhập kinh tế khu vực **không** được thực hiện giữa các quốc gia có đặc điểm nào dưới đây?

A. Có sự phù hợp về văn hóa.

B. Đang chiến tranh với nhau.

C. Cùng chung mục tiêu.

D. Tương đồng về địa lý.

Câu 16. Loại hình bảo hiểm xã hội do Nhà nước tổ chức mà người tham gia được lựa chọn mức đóng, phương thức đóng phù hợp với mức thu nhập của mình và Nhà nước có chính sách hỗ trợ tiền đóng để người tham gia hưởng chế độ hưu trí và tử tuất là loại hình bảo hiểm nào?

A. Bảo hiểm y tế bắt buộc.

B. Bảo hiểm y tế tự nguyện.

C. Bảo hiểm xã hội bắt buộc.

D. Bảo hiểm xã hội tự nguyện.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 17, 18, 19

Tính chung thời kì thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm (2011 - 2020), tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt khoảng 5,9%/năm, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực. Quy mô GDP tăng gấp 2,4 lần, từ 116 tỉ USD năm 2010 lên 268,4 tỉ USD vào năm 2020. GDP bình quân đầu người tăng từ 1.331 USD năm 2010 lên khoảng 2.750 USD năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm nhanh, từ 14,2% năm 2010 xuống còn 7% năm 2015 (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015) và giảm từ 9,2% năm 2016 xuống dưới 3% vào năm 2020 (theo chuẩn nghèo đa chiều). Cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các huyện nghèo, xã nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tăng cường. Thực hiện nhiều giải pháp tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động.

Câu 17. Yếu tố nào được đề cập trong thông tin trên là nhân tố quyết định việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế về mặt xã hội?

A. Tốc độ tăng lạm phát.

B. Tăng trưởng dân số.

C. Tăng trưởng kinh tế.

D. Tăng trưởng việc làm.

Câu 18. Nội dung nào dưới đây **không** phải là chỉ tiêu cơ bản để đánh giá sự tăng trưởng và phát triển kinh tế trong thông tin trên?

A. Thu nhập bình quân theo GDP.

B. Tốc độ tăng dân số.

C. Tỷ lệ hộ nghèo và thu nhập.

D. Tốc độ tăng GDP.

Câu 19. Nội dung nào dưới đây thể hiện tăng trưởng kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện phát triển bền vững được đề cập trong thông tin trên?

A. Giảm tỷ lệ lạm phát, giá cả được kiểm soát.

B. Tạo việc làm và nâng cao thu nhập.

C. Tốc độ tăng dân số phù hợp với.

D. Thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 20, 21

Diễn đàn hợp tác kinh tế là hình thức hội nhập kinh tế quốc tế ra đời vào thập niên 80 thế kỷ XX, ví dụ: Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) và Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM). Các quốc gia tham gia diễn đàn hợp tác kinh tế không có những cam kết mang tính ràng buộc thực hiện, mà chủ yếu mang tính định hướng, khuyến nghị hành động đối với các quốc gia thành viên. Những nguyên tắc được xây

dựng giữa các quốc gia tham gia diễn đàn là linh hoạt và tự nguyện để thực hiện tự do hoá và thuận lợi hoá thương mại, đầu tư. Tuy vậy, ngày nay, diễn đàn hợp tác kinh tế cũng có vai trò khá quan trọng trong định hướng phát triển kinh tế, thương mại cũng như giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội cùng quan tâm của các quốc gia trong một khu vực, duy trì, thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế, nhất là trong thời điểm xuất hiện những xu thế chống lại toàn cầu hóa gia tăng bảo hộ trong nước.

Câu 20. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) và Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM), là biểu hiện của hình thức hợp tác kinh tế quốc tế nào dưới đây?

- A. Hợp tác quốc tế.
- B. Hợp tác song phương.
- C. Hợp tác toàn cầu.
- D. Hợp tác khu vực.

Câu 21. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) và Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM), là những diễn đàn đi sâu giải quyết các vấn đề nào dưới đây?

- A. Chính trị - quân sự.
- B. Kinh tế - thương mại.
- C. Kinh tế - quốc phòng.
- D. Ngoại giao – quốc phòng.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 22, 23, 24

Năm 2013 bà Nguyễn Thị A giao kết hợp đồng lao động có thời hạn 24 tháng với trường tiểu học E với mức lương như sau. Tuy nhiên, từ ngày 01/1/2015 đến ngày 30/6/2015, bà A nghỉ hưởng chế độ thai sản. Sau đó, do điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động vì vậy bà A đã làm đơn xin nghỉ việc theo quy định của pháp luật lao động và ngày 01/7/2015 trường tiểu học E ban hành quyết định nghỉ việc cho bà A, quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Câu 22. Theo quy định của pháp luật, trong thời gian nghỉ chế độ thai sản bà A được hưởng chế độ bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Trợ cấp nghề nghiệp.
- B. Bảo hiểm thất nghiệp.
- C. Chế độ thai sản.
- D. Chế độ hưu trí.

Câu 23. Theo quy định của pháp luật, sau thời gian bà A được trường tiểu học E ban hành quyết định nghỉ việc, bà A có quyền được hưởng loại bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Bảo hiểm dân sự.
- B. Trợ cấp thai sản.
- C. Trợ cấp tai nạn.
- D. Bảo hiểm thất nghiệp.

Câu 24. Theo quy định của pháp luật, sau thời gian bà A được trường tiểu học E ban hành quyết định nghỉ việc, nếu không đi làm tiếp, bà A có thể tiếp tục tham gia loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Bảo hiểm xã hội bắt buộc.
- B. Bảo hiểm xã hội thai sản.
- C. Bảo hiểm thất nghiệp.
- D. Bảo hiểm xã hội tự nguyện.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn thông tin sau:

Đại hội lần thứ IX của Đảng đã đề ra chủ trương “chủ động hội nhập kinh tế quốc tế”; ngày 27/11/2001, Bộ Chính trị khóa IX đã ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TW “Về hội nhập kinh tế quốc tế”. Đại hội lần thứ X của Đảng khẳng định chủ trương “chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực khác”; ngày 05/02/2007, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW “Về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới”.

(Nguồn: Theo Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế)

- a. Hội nhập kinh tế quốc tế phải gắn liền với mục tiêu phát triển bền vững.
- b. Mở rộng hợp tác quốc tế sẽ khiến Việt Nam bị lệ thuộc vào các quốc gia khác.
- c. Thông tin trên thể hiện chủ trương và quyết tâm của Đảng ta về hội nhập kinh tế quốc tế.
- d. Việc hội nhập kinh tế quốc tế chỉ cần chú trọng lĩnh vực kinh tế.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin sau:

Theo Tổng cục Thống kê công bố, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2023 đạt 5,05% và có xu hướng tăng dần theo thời gian, quý IV đạt 6,72%, cao nhất so với quý III, II và quý 1 (tương ứng đạt 5,47, 4,25% và 3,41%), cao hơn mức trung bình của thế giới và khu vực cũng như nhiều nước trong giai đoạn tăng trưởng nhanh.

- a. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 đạt mức cao nhất so với các năm trước đó.
- b. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 là căn cứ để so sánh với sự tăng trưởng kinh tế của năm 2024.
- c. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 sẽ tỉ lệ thuận với mức thu nhập và đời sống của người dân.
- d. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 cho thấy Việt Nam là quốc gia có mức sống cao.

Câu 3. Đọc đoạn thông tin sau:

Về kinh tế, từng bước thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển năng lượng sạch; thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững. Tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 đạt trung bình 7%/năm, nâng mức thu nhập bình quân đầu người hằng năm tính theo GDP tăng lên 3.200 - 3.500 USD (so với mức 2.100 USD năm 2015). Lạm phát giữ ở mức dưới 5%. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; năm 2014 đã có 1,4 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội, trên 8,5 triệu người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, trên 72% dân số tham gia bảo hiểm y tế. Đời sống nhân dân được cải thiện. Thu nhập bình quân đầu người đạt 2.052 USD/người (2014). Tuổi thọ trung bình đạt 73,5 tuổi (2015). Hoàn thành nhiều mục tiêu Thiên niên kỷ.

- a. Kết quả tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 đạt trung bình 7%/năm tạo tiền đề vật chất thúc đẩy các chỉ tiêu về phát triển kinh tế.
- b. Với 72% dân số tham gia bảo hiểm y tế là thể hiện các chỉ tiêu về tiến bộ xã hội khi nước ta phát triển kinh tế.
- c. Tuổi thọ trung bình của người dân Việt Nam không ngừng tăng là kết quả của việc thực hiện tăng trưởng kinh tế cao.
- d. Thu nhập theo đầu người từ 3.500 USD giảm xuống còn 2.052 USD phản ánh sự phát triển kinh tế theo chiều hướng đi xuống.

Câu 4. Đọc đoạn thông tin sau:

Ông N từng tham gia đóng BHXH bắt buộc, sau đó ông nghỉ tham gia Hội Nông dân thị trấn khi mới đóng được 15 năm, chưa đủ điều kiện về số năm đóng BHXH để có chế độ hưu trí (tối thiểu 20 năm). Cuối năm 2022, ông quyết định tham gia BHXH tự nguyện, nhờ sự kiên trì theo đuổi đóng đủ số năm quy định, giờ đây ông N chính thức được nhận lương hưu. Ông chia sẻ: *“Sau khi được tư vấn cán bộ BHXH huyện, trường hợp của tôi có 2 phương án lựa chọn, 1 là hưởng BHXH 01 lần, hai là đóng 1 lần BHXH tự nguyện những năm còn thiếu. Sau khi nghe cán bộ BHXH phân tích, tôi suy nghĩ và bàn bạc với gia đình, tôi quyết định đóng BHXH tự nguyện một lần cho những năm còn thiếu. Sau khi hoàn thành thủ tục đóng tiền, ít ngày sau tôi nhận tháng lương hưu đầu tiên với số tiền hơn 1,8 triệu đồng. Với khoản lương hưu này giúp tôi có thêm khoản thu nhập để lo cuộc sống hàng ngày. Ngoài ra, tôi còn được cấp thẻ BHYT chăm sóc sức khỏe trọn đời”*.

- a. Ông N đã cao tuổi nên nếu rút bảo hiểm xã hội một lần sẽ lợi hơn khi đóng tiếp để hưởng hưu trí.
- b. Ông N chỉ được hưởng chế độ hưu trí và thẻ bảo hiểm y tế để khám bệnh.
- c. Công dân cứ đóng đủ số năm tham gia bảo hiểm xã hội là sẽ được nhận chế độ hưu trí.
- d. Tham gia bảo hiểm đã giúp ông N được bảo vệ sức khỏe và yên tâm về tài chính khi về già.

---HẾT---

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC
(Đề kiểm tra gồm 04 trang)

Môn: GDKT&PL - Ngày kiểm tra: .../10/2024

Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

Mã đề: 128

Họ tên thí sinh:

Số báo danh:

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Ngày 25/12/2008, Việt Nam và Nhật Bản đã chính thức ký kết Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam - Nhật Bản, xét về cấp độ hợp tác đây là hình thức hợp tác

- A. song phương. B. khu vực. C. toàn cầu. D. châu lục.

Câu 2. Một quốc gia được coi là có sự phát triển về kinh tế khi cơ cấu ngành nông nghiệp giảm đi, cơ cấu ngành công nghiệp, dịch vụ có xu hướng

- A. giảm theo. B. không đổi. C. cân bằng. D. tăng lên.

Câu 3. Yếu tố nào dưới đây là chỉ tiêu của phát triển kinh tế?

- A. Tiến bộ xã hội. B. Mức sống bình dân. C. Tăng trưởng dân số. D. Cơ cấu dòng tiền.

Câu 4. Chủ thể nào có quyền được hưởng trợ cấp thất nghiệp khi bị mất việc làm?

- A. Tổ chức bảo hiểm. B. Người sử dụng lao động.
C. Người lao động. D. Người lao động và người sử dụng lao động.

Câu 5. Tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững

- A. triệt tiêu nhau. B. cản trở nhau phát triển.
C. độc lập với nhau. D. có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

Câu 6. Sự hợp tác được kí kết giữa các quốc gia trong một khu vực trên cơ sở sự tương đồng về địa lí, văn hóa, xã hội hoặc có chung mục tiêu, lợi ích phát triển là cấp độ hội nhập kinh tế

- A. toàn cầu. B. song phương. C. khu vực. D. đa phương.

Câu 7. Đối với mỗi quốc gia, phát triển kinh tế thể hiện ở nội dung nào dưới đây?

- A. Chuyển đổi mô hình tiền tệ. B. Chuyển dịch việc phân phối.
C. Chuyển dịch cơ cấu ngành. D. Chuyển dịch vùng sản xuất.

Câu 8. Theo quy định của pháp luật, người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nếu đủ điều kiện có thể được hưởng chế độ

- A. trợ cấp lưu trú. B. trợ cấp thai sản. C. trợ cấp thất nghiệp. D. trợ cấp đi lại.

Câu 9. Loại hình bảo hiểm xã hội do Nhà nước tổ chức mà người tham gia được lựa chọn mức đóng, phương thức đóng phù hợp với mức thu nhập của mình và Nhà nước có chính sách hỗ trợ tiền đóng để người tham gia hưởng chế độ hưu trí và tử tuất là loại hình bảo hiểm nào?

- A. Bảo hiểm xã hội tự nguyện. B. Bảo hiểm y tế bắt buộc.
C. Bảo hiểm xã hội bắt buộc. D. Bảo hiểm y tế tự nguyện.

Câu 10. Ngày 28-7-1995, Việt Nam trở thành thành viên thứ bảy của ASEAN, đánh dấu bước đi đầu tiên của đất nước trong hành trình hội nhập khu vực và thế giới. Việc gia nhập ASEAN là biểu hiện của hình thức hội nhập kinh tế quốc tế nào dưới đây?

- A. Toàn cầu. B. Khu vực. C. Song phương. D. Toàn quốc.

Câu 11. Anh A đến đại lý bán bảo hiểm để mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự xe cơ giới cho chiếc xe máy mà mình đang sử dụng. Anh A đã sử dụng loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Bảo hiểm xã hội. B. Bảo hiểm y tế.

C. Bảo hiểm thương mại.

D. Bảo hiểm thất nghiệp.

Câu 12. Quá trình liên kết, gắn kết giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới, cùng nhau thỏa thuận, cùng tham gia các tổ chức toàn cầu là hình thức hội nhập nào dưới đây?

A. Hội nhập kinh tế song phương.

B. Hội nhập kinh tế khu vực.

C. Hội nhập kinh tế toàn cầu.

D. Hội nhập kinh tế đa phương.

Câu 13. Đối với các nước đang phát triển, việc tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sẽ mang lại lợi ích nào dưới đây?

A. Lệ thuộc tài chính vào nước lớn.

B. Tận dụng được nguồn tài chính.

C. Được chuyển lên thành nước lớn.

D. Mở mang thêm phạm vi lãnh thổ.

Câu 14. Một quốc gia hợp tác với một quốc gia khác là hình thức hội nhập kinh tế

A. song phương.

B. toàn cầu.

C. đa phương.

D. toàn diện.

Câu 15. Hoạt động dịch vụ tài chính thông qua đó người tham gia bảo hiểm đóng một khoản phí cho tổ chức bảo hiểm để được hưởng bồi thường hoặc chi trả bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm là nội dung của khái niệm nào sau đây?

A. Bảo hiểm.

B. Tín dụng.

C. Bảo tức.

D. Tài chính.

Câu 16. Phát biểu nào sau đây là **sai** về tăng trưởng kinh tế?

A. Tổng thu nhập quốc dân là một trong những căn cứ đánh giá tăng trưởng kinh tế.

B. Việt Nam và các quốc gia khác trong ASEAN đều có tăng trưởng kinh tế như nhau.

C. Tăng trưởng kinh tế được tính trong một thời kì nhất định.

D. Tăng trưởng kinh tế là tăng lên về quy mô sản lượng của nền kinh tế.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 17, 18, 19

Tính chung thời kì thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm (2011 - 2020), tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt khoảng 5,9%/năm, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực. Quy mô GDP tăng gấp 2,4 lần, từ 116 tỉ USD năm 2010 lên 268,4 tỉ USD vào năm 2020. GDP bình quân đầu người tăng từ 1.331 USD năm 2010 lên khoảng 2.750 USD năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm nhanh, từ 14,2% năm 2010 xuống còn 7% năm 2015 (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015) và giảm từ 9,2% năm 2016 xuống dưới 3% vào năm 2020 (theo chuẩn nghèo đa chiều). Cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các huyện nghèo, xã nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tăng cường. Thực hiện nhiều giải pháp tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động.

Câu 17. Nội dung nào dưới đây **không** phải là chỉ tiêu cơ bản để đánh giá sự tăng trưởng và phát triển kinh tế trong thông tin trên?

A. Tốc độ tăng dân số.

B. Tỷ lệ hộ nghèo và thu nhập.

C. Tốc độ tăng GDP.

D. Thu nhập bình quân theo GDP.

Câu 18. Nội dung nào dưới đây thể hiện tăng trưởng kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện phát triển bền vững được đề cập trong thông tin trên?

A. Tốc độ tăng dân số phù hợp với.

B. Tạo việc làm và nâng cao thu nhập.

C. Giảm tỷ lệ lạm phát, giá cả được kiểm soát.

D. Thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao.

Câu 19. Yếu tố nào được đề cập trong thông tin trên là nhân tố quyết định việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế về mặt xã hội?

A. Tăng trưởng việc làm.

B. Tăng trưởng dân số.

C. Tăng trưởng kinh tế.

D. Tốc độ tăng lạm phát.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 20, 21

Kể từ khi chính thức gia nhập WTO, Việt Nam đã ghi nhận những thành tựu về phát triển kinh tế. Việt Nam trở thành nền kinh tế có độ mở cao, tới 200% GDP và cải thiện cán cân thương mại hàng hóa, chuyển từ nhập siêu sang xuất siêu trong giai đoạn 2016 - 2020. Đến năm 2020 nhiều hiệp định thương mại tự do song phương

và đa phương đã có hiệu lực, thúc đẩy hoạt động xuất khẩu hàng hóa của nước ta ngày càng mở rộng. Theo Tổng cục Thống kê, từ năm 2016 đến năm 2022, cán cân thương mại của Việt Nam luôn đạt thặng dư với mức xuất siêu tăng dần qua các năm. Năm 2022, cán cân thương mại xuất siêu đạt 12,4 tỷ USD, là năm thứ 7 liên tiếp cán cân thương mại hàng hóa ở mức thặng dư mặc dù gặp nhiều khó khăn sau ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh COVID-19. Trở thành một trong 20 nền thương mại lớn nhất thế giới.

Câu 20. Nội dung nào dưới đây thể hiện vai trò của hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam?

- A. Dịch chuyển dòng ngoại tệ.
- B. Tăng cường quốc phòng.
- C. Đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa.
- D. Gia tăng sự lệ thuộc về chính trị.

Câu 21. Việc gia nhập WTO của Việt Nam là biểu hiện của hình thức hội nhập nào dưới đây?

- A. Hội nhập toàn diện.
- B. Hội nhập khu vực.
- C. Hội nhập song phương.
- D. Hội nhập toàn cầu.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 22, 23, 24

Chia sẻ về việc quyết định tham gia BHXH tự nguyện, chị D cho biết, trước đây chị làm công nhân đã có 10 năm tham gia BHXH bắt buộc và sau khi nghỉ việc chị không còn được tham gia nữa. Nghỉ việc ở nhà, chị chuyển sang bán hàng ăn để mưu sinh hàng ngày. Công việc vất vả, thức khuya dậy sớm khiến sức khỏe chị ngày một yếu đi. Lúc này chị bắt đầu nghĩ tới và tham gia BHXH tự nguyện. Tính đến nay chị đã đóng được 5 năm, mỗi lần đều đóng theo quý, mỗi quý hơn 600 ngàn đồng. Không những tham gia BHXH tự nguyện, chị còn tham gia cả BHYT hộ gia đình. Nói về lợi ích của việc tham gia những loại hình bảo hiểm trên, chị D xúc động cho hay: Tôi cũng vừa mới mổ u được vài tháng. Đến khi bị bệnh tôi mới thấy sự hữu ích của những loại hình bảo hiểm này. Cứ hoàn cảnh như hiện nay, khi hết tuổi lao động mà không tham gia các loại hình bảo hiểm của nhà nước sẽ không biết lấy gì nuôi thân nếu như không có nguồn thu ổn định.

Câu 22. Ngoài loại hình bảo hiểm xã hội, chị D còn tham gia loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Bảo hiểm dân sự.
- B. Bảo hiểm thất nghiệp.
- C. Bảo hiểm y tế.
- D. Bảo hiểm thương mại.

Câu 23. Các loại hình bảo hiểm mà chị D tham gia có đặc điểm chung nào dưới đây?

- A. Được hưởng ngay sau khi đóng phí.
- B. Do cá nhân triển khai.
- C. Do Nhà nước tổ chức.
- D. Bắt buộc đối với mọi công dân.

Câu 24. Thông tin trên cho biết chị D đã và đang tham gia các loại hình bảo hiểm xã hội nào dưới đây?

- A. Tự nguyện và tài trợ.
- B. Tự nguyện và bắt buộc.
- C. Thất nghiệp và tự nguyện.
- D. Bắt buộc và tài trợ.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn thông tin sau:

Hội nhập kinh tế quốc tế đã góp phần thúc đẩy thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam. Thời kỳ 1995 - 2022, Việt Nam thu hút được 39.313 dự án với tổng vốn đăng ký 541.149,4 triệu USD, tổng vốn thực hiện 269.227,4 triệu USD (chiếm 49,75% tổng vốn đăng ký). Số dự án và vốn thực hiện hàng năm có xu hướng gia tăng trong thời kỳ này, tăng từ 415 dự án với vốn thực hiện là 7.925,2 triệu USD năm 1995 lên 2.169 dự án với vốn thực hiện là 22.396 triệu USD năm 2022. Vốn FDI vào Việt Nam chiếm 22,87% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, đóng góp 18,16% GDP và 54,82% kim ngạch xuất khẩu hàng hóa.

(Nguồn: Theo tạp chí nghiên cứu công nghiệp và thương nghiệp)

- a. Thông tin trên thể hiện Việt Nam là một đối tác tin cậy của các nước trên thế giới.
- b. Việc thu hút được nhiều vốn và dự án đầu tư sẽ khiến nền kinh tế Việt Nam bị lệ thuộc nguồn lực từ bên ngoài.
- c. Hội nhập kinh tế quốc tế đã tạo cơ hội cho nước ta tiếp cận và sử dụng nguồn lực tài chính cho sự phát triển của đất nước.

d. Việc thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam càng nhiều càng khiến nước ta lệ thuộc kinh tế vào các nước trên thế giới.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin sau:

Theo Tổng cục Thống kê công bố, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2023 đạt 5,05% và có xu hướng tăng dần theo thời gian, quý IV đạt 6,72%, cao nhất so với quý III, II và quý I (tương ứng đạt 5,47, 4,25% và 3,41%), cao hơn mức trung bình của thế giới và khu vực cũng như nhiều nước trong giai đoạn tăng trưởng nhanh.

a. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 là căn cứ để so sánh với sự tăng trưởng kinh tế của năm 2024.

b. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 sẽ tỉ lệ thuận với mức thu nhập và đời sống của người dân.

c. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 cho thấy Việt Nam là quốc gia có mức sống cao.

d. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 đạt mức cao nhất so với các năm trước đó.

Câu 3. Đọc đoạn thông tin sau:

Ngày 15/3/2022, anh T có tham gia hợp đồng bảo hiểm tại công ty bảo hiểm Manulife Việt Nam. Tháng 2/2023, anh T có xảy ra tai nạn và bị đơn vị Đội Cảnh sát giao thông phường B xử lý. Với việc mua bảo hiểm, tháng 3/2023 anh T được công ty bảo hiểm thanh toán bồi thường quyền lợi tai nạn theo đúng hợp đồng bảo hiểm sau khi nhận được yêu cầu bồi thường tai nạn từ anh T.

a. Bảo hiểm thương mại là một kênh huy động vốn rất quan trọng trong đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

b. Bảo hiểm thương mại mang yếu tố nhân đạo, hỗ trợ tài chính và tinh thần đối với người tham gia bảo hiểm.

c. Anh T đã chuyển giao rủi ro của mình cho bên tổ chức bảo hiểm thông qua tham gia hợp đồng bảo hiểm.

d. Bảo hiểm anh T tham gia thuộc bảo hiểm thương mại.

Câu 4. Đọc đoạn thông tin sau:

Về kinh tế, từng bước thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển năng lượng sạch; thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững. Tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 đạt trung bình 7%/năm, nâng mức thu nhập bình quân đầu người hằng năm tính theo GDP tăng lên 3.200 - 3.500 USD (so với mức 2.100 USD năm 2015). Lạm phát giữ ở mức dưới 5%. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; năm 2014 đã có 1,4 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội, trên 8,5 triệu người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, trên 72% dân số tham gia bảo hiểm y tế. Đời sống nhân dân được cải thiện. Thu nhập bình quân đầu người đạt 2.052 USD/người (2014). Tuổi thọ trung bình đạt 73,5 tuổi (2015). Hoàn thành nhiều mục tiêu Thiên niên kỷ.

a. Thu nhập theo đầu người từ 3.500 USD giảm xuống còn 2052 USD phản ánh sự phát triển kinh tế theo chiều hướng đi xuống.

b. Kết quả tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 đạt trung bình 7%/năm tạo tiền đề vật chất thúc đẩy các chỉ tiêu về phát triển kinh tế.

c. Tuổi thọ trung bình của người dân Việt Nam không ngừng tăng là kết quả của việc thực hiện tăng trưởng kinh tế cao.

d. Với 72% dân số tham gia bảo hiểm y tế là thể hiện các chỉ tiêu về tiến bộ xã hội khi nước ta phát triển kinh tế.

---HẾT---

PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

Kỳ thi

Bài thi: ...GDKTPL 12...

Ngày thi:/...../ 20.....

Họ tên, chữ ký
của cán bộ coi thi 1

1. Hội đồng thi:.....
2. Điểm thi:.....
3. Phòng thi số:.....
4. Họ và tên thí sinh:.....
5. Ngày sinh:/...../.....(Nam/ Nữ).
6. Chữ ký của thí sinh:.....

7. Số báo danh

8. Mã đề thi

The diagram consists of two vertical columns of circles, each with 10 rows labeled 0 to 9 on the left and right. The left column has a header row with 5 empty boxes. The right column has a header row with 3 empty boxes. A small black square is positioned between the two columns at the 5th row level.

Chú ý: Thí sinh cần đọc kỹ hướng dẫn ở mặt sau Phiếu này.

PHẦN I

	A	B	C	D
1	☐	☐	☐	☐
2	☐	☐	☐	☐
3	☐	☐	☐	☐
4	☐	☐	☐	☐
5	☐	☐	☐	☐
6	☐	☐	☐	☐
7	☐	☐	☐	☐
8	☐	☐	☐	☐
9	☐	☐	☐	☐
10	☐	☐	☐	☐

	A	B	C	D
11	☐	☐	☐	☐
12	☐	☐	☐	☐
13	☐	☐	☐	☐
14	☐	☐	☐	☐
15	☐	☐	☐	☐
16	☐	☐	☐	☐
17	☐	☐	☐	☐
18	☐	☐	☐	☐
19	☐	☐	☐	☐
20	☐	☐	☐	☐

	A	B	C	D
21	☐	☐	☐	☐
22	☐	☐	☐	☐
23	☐	☐	☐	☐
24	☐	☐	☐	☐
25	☐	☐	☐	☐
26	☐	☐	☐	☐
27	☐	☐	☐	☐
28	☐	☐	☐	☐
29	☐	☐	☐	☐
30	☐	☐	☐	☐

	A	B	C	D
31	☐	☐	☐	☐
32	☐	☐	☐	☐
33	☐	☐	☐	☐
34	☐	☐	☐	☐
35	☐	☐	☐	☐
36	☐	☐	☐	☐
37	☐	☐	☐	☐
38	☐	☐	☐	☐
39	☐	☐	☐	☐
40	☐	☐	☐	☐

PHẦN II

Câu 1		Câu 2	
Đúng	Sai	Đúng	Sai
a, ☐	☐	☐	☐
b, ☐	☐	☐	☐
c, ☐	☐	☐	☐
d, ☐	☐	☐	☐

Câu 3		Câu 4	
Đúng	Sai	Đúng	Sai
a, ☐	☐	☐	☐
b, ☐	☐	☐	☐
c, ☐	☐	☐	☐
d, ☐	☐	☐	☐

Câu 5		Câu 6	
Đúng	Sai	Đúng	Sai
a, ☐	☐	☐	☐
b, ☐	☐	☐	☐
c, ☐	☐	☐	☐
d, ☐	☐	☐	☐

Câu 7		Câu 8	
Đúng	Sai	Đúng	Sai
a, ☐	☐	☐	☐
b, ☐	☐	☐	☐
c, ☐	☐	☐	☐
d, ☐	☐	☐	☐

PILN III

[illegible]

ĐÁP ÁN ĐỀ THI GIỮA KÌ I LỚP 12 - MÔN GDKT&PL

Năm học 2024 - 2025

Câu hỏi	Mã đề thi								
	121	122	123	124	125	126	127	128	129
1	A	A	D	B	C	B	B	A	B
2	B	D	C	A	C	C	C	D	B
3	D	B	C	A	A	B	D	A	A
4	C	A	B	C	A	B	C	C	A
5	A	C	A	B	A	B	B	D	C
6	C	D	D	D	A	A	C	C	D
7	B	A	D	A	B	C	C	C	C
8	A	B	A	B	D	C	A	B	B
9	B	A	A	C	B	B	A	A	D
10	A	C	D	B	A	A	C	B	B
11	B	B	A	A	C	A	A	C	D
12	C	C	B	D	B	C	B	C	C
13	A	D	D	C	B	C	A	B	D
14	A	B	D	B	A	A	C	A	C
15	A	D	B	D	C	C	B	A	C
16	B	C	A	A	D	B	D	B	D
17	C	D	D	D	C	A	C	A	C
18	B	B	D	C	A	A	B	B	B
19	D	D	A	C	B	D	B	C	D
20	B	C	D	D	B	B	D	C	B
21	C	D	D	C	A	C	B	D	D
22	C	C	B	A	B	D	C	C	C
23	B	A	A	D	D	D	D	C	A
24	B	A	D	D	A	C	D	B	B
25	ĐSSS	SĐĐĐ	ĐSSS	ĐĐSS	SĐĐĐ	SĐĐĐ	ĐSĐS	ĐSĐS	SĐĐĐ
26	ĐSĐĐ	SĐSĐ	ĐĐSĐ	ĐĐĐS	SĐĐĐ	ĐĐĐS	ĐĐĐS	ĐĐSĐ	ĐSĐS
27	ĐSĐĐ	SĐĐĐ	ĐĐSĐ	ĐSĐĐ	SĐSĐ	ĐSĐS	ĐĐĐS	ĐSĐĐ	ĐSSS
28	ĐĐSS	SĐĐĐ	ĐĐSS	SĐĐĐ	ĐSSS	ĐSĐĐ	SSSĐ	SĐĐĐ	SĐĐĐ

